



CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

LAM SON SUGAR CANE JOINT STOCK CORPORATION

ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG

NHÀ MÁY ĐƯỜNG SỐ 2

Sau gần một năm xây dựng và lắp đặt bổ sung hơn 4000 tấn thiết bị, Nhà máy đường số 2 công suất 8000 TMN chính thức đi vào hoạt động từ đầu tháng 3/2012 nâng tổng công suất của Lasuco co lên 10.500 TMN, tăng thêm 62% năng lực sản xuất so với trước khi đầu tư.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2012

HỢP TÁC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÌ CỘNG ĐỒNG



MỤC LỤC

	Trang
THÔNG ĐIỆP	4
Thông điệp của Chủ tịch HĐQT	4
TỔNG QUAN CÔNG TY	6
Giới thiệu chung	6
Quá trình hình thành và phát triển	7
Sứ mệnh, Tầm nhìn, Giá trị cốt lõi	8
Sự kiện nổi bật năm 2012	10
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	14
Mô hình quản trị	14
Sơ đồ tổ chức	15
Giới thiệu HĐQT	16
Giới thiệu Ban kiểm soát	19
Giới thiệu Ban điều hành	20
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG TY	22
Các rủi ro	22
Định hướng phát triển	22
BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2012	23
Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	23
Tình hình thực hiện đầu tư các dự án	23
Nguồn nhân lực	23
Hoạt động của của HĐQT	24
Báo cáo của Ban kiểm soát	26
Thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT-BKS-BĐH	26
THÔNG TIN CỔ ĐÔNG	28
Cơ cấu cổ đông	28
Danh sách cổ đông sở hữu từ 5% số lượng CP	29
Danh sách cổ đông nội bộ	29
THÔNG TIN CÁC CÔNG TY CON – CÔNG TY LIÊN KẾT	30
Công ty con	30
Công ty liên kết	32
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN NĂM 2012	33
Báo cáo tài chính kiểm toán riêng của Công ty mẹ	33
Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất	40

THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Quý cổ đông và nhà đầu tư cùng đối tác chiến lược kính mến!

Thay mặt Công ty CP Mía Đường Lam Sơn (LASUCO), tôi trân trọng gửi lời tri ân chân tình nhất tới quý vị đã đồng hành hợp tác và chia sẻ cùng chúng tôi vượt qua sóng gió, bão táp của khủng hoảng kinh tế thế giới và trong nước cùng những biến động sâu sắc của ngành mía đường khắp các châu lục trong năm qua.

Năm 2012 trong bối cảnh khó khăn chung ngập tràn ăy, LASUCO đã dành được những thành quả đáng khích lệ, đánh những dấu mốc quan trọng không chỉ cho trước mắt mà còn có tính chiến lược, tạo cơ sở cho sự phát triển bền vững ổn định, lâu dài trong quá trình cạnh tranh hội nhập quốc tế và khu vực trong tương lai. Đó là:



Thứ nhất, hoàn thành đầu tư xây dựng 2 dự án lớn bằng 70% vốn tự có, đưa vào sản xuất kinh doanh bước đầu đã phát huy hiệu quả:

+ Dự án mở rộng, nâng công suất đổi mới công nghệ nhà máy đường số 2 từ 4.000 TMN lên 8.000 TMN, đã đưa tổng công suất của LASUCO lên 10.500TMN, lên vị trí hàng đầu của cả nước về công suất chế biến đường tinh luyện với công nghệ tiên tiến và chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu đường tinh luyện của thị trường.

+ Dự án nhiệt điện 12,5MW/h – Theo chương trình năng lượng tái tạo của quốc gia, vừa tận dụng nguồn bã thải để phát điện, tiết kiệm và chủ động năng lượng cho sản xuất và sinh hoạt, vừa giải quyết vấn đề môi trường sạch, mỗi năm tăng thêm trên dưới 100 triệu KW/h điện cho mạng lưới Quốc gia, tăng thêm nguồn thu nhập cho doanh nghiệp.

Thứ hai, vùng nguyên liệu mía được mở rộng thêm 2.000ha sản lượng mía tăng 60%, sản xuất đường tăng 22%, còn tăng 79% so với năm trước.

Dấu ấn đậm nét trong năm 2012 mở ra một chương mới sau chặng đường một phần ba thế kỷ xây dựng và phát triển vùng nguyên liệu của Lam Sơn – Xây dựng và đưa vào hoạt động thành công bước đầu các doanh nghiệp cổ phần nông công nghiệp chuyên canh mía đường cấp huyện và xã, tại các huyện trọng điểm vùng mía đường Lam Sơn: 2 Công ty cổ phần đầu tư phát triển thuộc 2 huyện nghèo (30.a) là: Lam Sơn – Bá Thước và Lam Sơn – Như Xuân, tuy mới chỉ sau 1 năm đi vào hoạt động đã đạt 2.665ha mía, chiếm 15,6% diện tích toàn vùng. Triển vọng trong vài năm tới sẽ đáp ứng từ 45-50% nguồn nguyên liệu mía cho công suất chế biến của các nhà máy LASUCO.

Mô hình Công ty Cổ phần CNN Lam Sơn – Vân Sơn là mẫu hình hợp tác liên kết với địa phương, nông dân góp cổ phần bằng quyền sử dụng đất xây dựng cánh đồng mẫu lớn, áp dụng cơ giới hóa, tưới nước và các giải pháp sinh học tăng năng suất và chất lượng mía đạt hiệu quả cao, đã và đang mở ra sức hấp dẫn mới đối với nông dân trồng mía trong vùng.

Các xí nghiệp nguyên liệu: Xuân Phú, Nguyệt Ấn, Kiên Thọ... tuy mới đi vào hoạt động 2 năm qua đã chứng minh tính ưu việt – giúp nông dân từ bỏ được các khâu trung gian, trực tiếp quan hệ với nhà máy, yên tâm tập trung đầu tư, giảm các chi phí không cần thiết, dồn điền, đổi thửa, mở rộng

diện tích trồng mía, thâm canh tăng năng suất và nâng cao chất lượng nguyên liệu, cung cấp cho nhà máy, mở ra triển vọng mới, khẳng định mô hình tổ chức quản lý và phát triển bền vững, lâu dài, cung cấp nguyên liệu cho chế biến đạt hiệu quả.

Năm 2012 – LASUCO cũng đã được UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 Dự án đầu tư xây dựng khu nghiên cứu và phát triển nông nghiệp, công nghệ cao trên 100ha ngay cạnh Nhà máy cồn Lam Sơn, giao cho LASUCO là chủ đầu tư. Đây là cơ hội mới tiếp tục triển khai chương trình đầu tư phát triển nông nghiệp công nghệ cao trên 1.000ha trong quy hoạch vùng Lam Sơn – Sao Vàng.

Thứ ba, về tài chính: Thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2012 là phát hành thành công 200 tỉ đồng trái phiếu chuyển đổi, trong tình hình kinh tế tài chính cả nước có nhiều khó khăn, lãi suất ngân hàng ở mức cao, có ý nghĩa rất quan trọng, giúp Công ty cân đối nguồn vốn đầu tư dài hạn, ghi đậm dấu ấn niềm tin của các cổ đông và nhà đầu tư cùng các đối tác chiến lược với LSS.

Tuy nhiên, đối chiếu với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2012 thì chỉ tiêu về tổng doanh thu và lợi nhuận không hoàn thành và giảm thấp so với năm 2011. Chúng tôi cũng đã nhận thức đầy đủ trách nhiệm của mình, cần phải tiếp tục có nhiều giải pháp mạnh mẽ và kiên quyết hơn về cấu trúc lại bộ máy tổ chức, nhân sự, quản trị Công ty... nhằm tập trung cao hơn vào định hướng chiến lược: Phát triển và nâng cao chất lượng, hiệu quả của các mặt hàng cốt lõi: Mía, đường, cồn, điện. Đồng thời từng bước nghiên cứu và phát triển một số sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao, phát huy lợi thế của doanh nghiệp vùng Lam Sơn, chuẩn bị đáp ứng nhu cầu lớn của thị trường, mang lại lợi ích cho cổ đông và vị thế của doanh nghiệp. Theo các mục tiêu và giải pháp đã được HĐQT trình ra Đại hội đồng cổ đông 2013 này.

Thưa quý vị!

Năm 2013, theo các dự báo và thực trạng của kinh tế thế giới và trong nước đã diễn ra trong quý I/2013 vừa qua, đáng chú ý là chúng ta đang tiếp tục phải đối mặt với những khó khăn, biến động phức tạp của cuộc cải cách ngành đường từ sản xuất đến thương mại, tiêu dùng và giá cả đối với các sản phẩm đường và sau đường như: cồn, cồn nhiên liệu, năng lượng tái tạo... và ngay cả các khu vực sản xuất tiêu thụ cũng đang có sự dịch chuyển - Châu Á và khu vực Trung Đông, Bắc Mỹ, Trung Quốc hiện đang là khu vực tiêu dùng sản phẩm đường lớn nhất thế giới. Các nước đang phát triển chiếm hơn 70% tổng lượng đường đang dẫn dắt và chi phối thị trường đường toàn cầu. Hiệp định tự do thương mại đang là quy tắc cho khu vực ASEAN; tại các quốc gia láng giềng của Việt Nam: Campuchia, Lào, Thái Lan, Myanmar đã và đang đầu tư những dự án cực lớn và với những lợi thế cao vào mía đường... đang đặt ra sức cạnh tranh mới với ngành mía đường Việt Nam mà LASUCO không thể đứng ngoài cuộc.

Thưa quý vị!

Với những gì đã trải nghiệm qua một phần ba thế kỷ, cả những thành công và thất bại mà chúng ta đã nếm trải; hãy vững tin vào sự hợp tác chung sức, chung lòng của các cổ đông, nhà đầu tư và đối tác chiến lược - Kể cả những người trồng mía trong vùng Lam Sơn và đặc biệt là sự trưởng thành về năng lực, tay nghề và sự nỗ lực cùng sự gắn bó của đội ngũ cán bộ quản lý, các kỹ sư, công nhân lành nghề. Vì một LASUCO vững mạnh, bền vững sẽ là một tài sản quý giá, một niềm tự hào lớn của mọi thành viên LASUCO trong thời kỳ phát triển và hội nhập mới.

Xin chân thành cảm ơn!

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



LÊ VĂN TAM

TỔNG QUAN CÔNG TY

Giới thiệu chung

Tên Công ty

Tên tiếng Việt: Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn
 Tên tiếng Anh: Lam Son sugar cane Joint Stock Corporation
 Tên giao dịch: Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn
 Tên viết tắt: LASUCO
 Mã giao dịch: LSS
Vốn điều lệ: 500.000.000.000 đồng.
Vốn Chủ sở hữu: 1.250.092.181.954 đồng.

Ngày thành lập

Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn thành lập ngày 06 tháng 12 năm 1999 do Thủ tướng chính phủ quyết định chuyển đổi từ Công ty đường Lam Sơn. Tiền thân là Nhà máy đường Lam Sơn được thành lập ngày 31/03/1980.

Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam

Giấy CNĐKKD: 056673 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hoá cấp, đăng ký lần đầu ngày 23/12/1999, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 08/06/2011.

Chủ tịch Hội đồng quản trị là đại diện theo pháp luật của Công ty.

Thông tin liên lạc

Trụ sở chính: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá
 Điện thoại: 0373.834.091
 Fax: 0373.834.092
 E-mail: lasuco@hn.vnn.vn
 Website: www.lasuco.vn, www.lasuco.com.vn
 Biểu tượng của Công ty:



Quá trình hình thành và phát triển**Ngày 12/01/1980**

Thủ tướng Chính phủ ký quyết định số 24/TTg phê duyệt nhiệm vụ thiết kế xây dựng Nhà máy đường Lam Sơn; Công suất 1.500 tấn mía/ngày, thiết bị và công nghệ của hãng FCB Cộng hòa Pháp cung cấp; Địa điểm xây dựng: Xã Thọ Xương (nay là Thị trấn Lam Sơn) Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa

Ngày 28/04/1984

Bộ Trưởng Bộ Công nghệ Thực phẩm (nay là Bộ NN & PTNT) ký quyết định số 24/CNTP-TCCB thành lập Nhà máy Đường Lam Sơn.

Ngày 02/11/1986

Nhà máy đường Lam Sơn đi vào sản xuất vụ đầu tiên.

Ngày 08/11/1994

Bộ Trưởng Bộ NN & PTNN) ký quyết định số 14/NN/TCCB đổi tên Nhà máy đường Lam Sơn thành Công ty Đường Lam Sơn.

Tháng 10/1995

Thành lập Hiệp hội Mía đường Lam Sơn trong đó Công ty Đường Lam Sơn giữ vai trò thành viên sáng lập. Hiệp hội là đầu mối giữa Doanh nghiệp-Nông dân-Trí thức, nơi gìn giữ lòng tin của bà con nông dân để hỗ trợ, thúc đẩy các chương trình trồng trọt, nhân giống, mở rộng vùng nguyên liệu mía cho nhà máy.

Ngày 21/10/1996

Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đầu tư Dự án Nhà máy đường Số II theo quyết định số 775/TTg với tổng mức đầu tư 451,098 tỷ đồng. Vụ 1998 - 1999 dự án đã đi vào hoạt động đưa năng lực sản xuất của Công ty lên 6.500 TMN, gấp 2,6 lần trước đầu tư.

**Năm 1999**

Tập thể Công ty Đường Lam Sơn và cá nhân Tổng Giám Đốc -Lê Văn Tam được vinh dự đón nhận danh hiệu Anh Hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới.

Năm 1999

Thủ tướng Chính phủ ký quyết định số 1133/QĐ-TTg chuyển Công ty đường Lam Sơn thành Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn. Vốn điều lệ 150 tỷ đồng với thí điểm mô hình bán cổ phần ưu đãi cho người trồng mía. Từ ngày 01/01/2000 Công ty hoạt động theo luật Doanh nghiệp.

Năm 2004

đưa dự án Nhà máy Cồn số 2 công suất 25 triệu lít/ năm với tổng mức đầu tư 163 tỷ đồng vào sản xuất, sau gần một năm xây dựng, lắp đặt.

Ngày 09/01/2008

Cổ phiếu mã LSS của LASUCO chính thức được niêm yết và giao dịch tại sàn chứng khoán HOSE theo quyết định chấp thuận số 182/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh.

Ngày 15/11/2010

LASUCO kỷ niệm 30 năm xây dựng và phát triển vinh dự được nhận phần thưởng cao quý của Đảng và Chính Phủ nước CHXHCN Việt Nam: Huân chương lao động hạng nhì.

Năm 2011

Công ty đầu tư xây dựng Dự án nâng công suất Nhà máy đường số 2 từ 4.000 TMN lên 8.000 TMN với công nghệ tiên tiến gắn với Nhà máy điện 12,5MW, đưa tổng công suất toàn Công ty lên 10.500 TMN.

Tầm nhìn

Xây dựng và phát triển tập đoàn kinh tế công - nông nghiệp - du lịch - dịch vụ - thương mại và bất động sản Lam Sơn ngày càng lớn mạnh, góp phần xây dựng thương hiệu quốc gia: **Mía Đường Xứ Thanh**

Sứ mệnh

- “Hợp tác phát triển bền vững – vì cộng đồng”; mang lại lợi ích cho Cộng đồng, cho Cổ đông, Nhà đầu tư, Người trồng mía, Người lao động, bảo đảm giải quyết hài hòa các mối quan hệ, có tinh thần trách nhiệm cao với xã hội và môi trường.

- Xây dựng, phát triển và tôn vinh Thương hiệu Lasuco thành một thương hiệu mạnh, uy tín trong nước và nước ngoài.

- Tạo ra một lực lượng lao động trí thức trẻ năng động có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, có tâm, có tầm để xây dựng doanh nghiệp ngày càng giàu mạnh và phát triển ổn định, bền vững.

- Tham gia đóng góp tích cực vào các hoạt động xã hội hướng về cộng đồng, thể hiện tinh thần tương thân tương ái và trách nhiệm công dân đối với đất nước.

Giá trị cốt lõi

- Chất lượng - uy tín - hiệu quả: lấy chất lượng là hàng đầu, luôn uy tín trong mọi cam kết, lấy thước đo hiệu quả trong mọi công việc.

- Trách nhiệm - thân thiện - bền vững: giữ trách nhiệm đến cùng, luôn tạo quan hệ thân thiện nhân văn, xây dựng bền vững các mối quan hệ trên cơ sở cùng có lợi.

- Tự chủ - năng động - sáng tạo: luôn tự chủ trong mọi công việc, phản ứng linh hoạt, năng động và luôn sáng tạo trong mọi tình huống, mọi thử thách, mọi khó khăn để đạt mục tiêu cuối cùng đã cam kết.



Ngành nghề kinh doanh:

- Công nghiệp đường, cồn, điện, nước uống có cồn và không có cồn. Chế biến các sản phẩm sau đường, nông, lâm sản, thức ăn gia súc. Dịch vụ vận tải, cơ khí, cung ứng vật tư nguyên liệu.
- Sản xuất và cung ứng giống cây, con, tiêu thụ sản phẩm. Chế biến các sản phẩm cao su, giấy bao bì carton, kinh doanh thương mại, khách sạn, ăn uống. Xuất nhập khẩu các sản phẩm trên và tài sản cố định, máy móc, thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế phục vụ cho sản xuất kinh doanh.
- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê. Sản xuất kinh doanh CO2 (khí, lỏng, rắn). Nghiên cứu và phát triển khoa học nông nghiệp, công nghiệp; nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt. Dịch vụ sửa chữa và gia công máy móc, thiết bị. Dịch vụ làm đất nông, lâm nghiệp.
- Kinh doanh các ngành nghề không bị pháp luật nghiêm cấm

Địa bàn kinh doanh của Công ty:

Chủ yếu thị trường trong nước, từng bước phát triển thị trường các nước trong khu vực và thế giới.

Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

Phát triển sản xuất và kinh doanh sản phẩm mía đường, cồn, điện và các lĩnh vực khác nhằm mục tiêu thu lợi nhuận tối đa; đảm bảo lợi ích của cổ đông; phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh trở thành tập đoàn kinh tế Công, Nông nghiệp, Du lịch, Thương mại, dịch vụ.

Phạm vi kinh doanh và hoạt động

- Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ công ty phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
- Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Hội đồng quản trị phê chuẩn.



Sự kiện nổi bật năm 2012**1**

Ngày 8/3/2012 Dự án mở rộng NM đường Số II từ 4000 lên 8000 TMN đã đi vào sản xuất sau thời gian gần 1 năm đầu tư gặp bao nhiêu khó khăn thử thách, mở ra một triển vọng mới, với công nghệ sản xuất tiến tiến nhất, đảm bảo chất lượng tốt nhất.



(Hệ thống khuếch tán theo công nghệ mới)

2

Ngày 24.6.2012 Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 của Công ty đã thông qua Phương án phát hành 200 tỷ đồng trái phiếu chuyển đổi.



3

Năm 2012, 2 Công ty cấp huyện Lam Sơn Như Xuân và Lam Sơn Bá Thước do Lasuco thành lập, chỉ chưa đầy 2 năm đã thực hiện mở rộng diện tích 2.171 ha, chiếm 66% tổng diện tích mở rộng toàn vùng



4

Năm thứ 2 quỹ khuyến học mía đường Lam Sơn hoạt động, trao giải thưởng cho học sinh giỏi là con người trồng mía và con CBCNV với số tiền 1,2 tỷ đồng, nâng tổng số chi từ quỹ này lên mức 2,48 tỷ đồng.



5

Tổ chức Đại hội Công Đoàn Công ty lần thứ XII (2012-2017); Đại hội Đoàn thanh niên CS Hồ Chí Minh lần thứ X (2012-2017); Đại hội Cựu Chiến binh lần thứ IV (2012-2017).



6

Danh hiệu và giải thưởng đã nhận được:

- Công ty được vinh danh trong Top 200 Doanh nghiệp xuất sắc nhất Châu Á Thái Bình Dương do Tạp chí kinh doanh Forbes bình chọn (đối với DN có mức doanh thu dưới 1 tỷ USD).
- Năm thứ 3 liên tục Công ty được vinh danh trong Top 1000 doanh nghiệp nộp thuế thu nhập lớn nhất Việt Nam.
- Năm thứ 6 Công ty được vinh danh trong Top 500 doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam.
- Công ty được nhận Giải thưởng Thương hiệu uy tín Đông Nam Á; **Cá nhân Chủ tịch HĐQT Lê Văn Tam** nhận Giải thưởng Cúp vàng Tầm nhìn Á Đông lần thứ nhất do Diễn đàn Khoa học nhân lực Quốc tế trao.
- Sản phẩm của Công ty được Người tiêu dùng bình chọn Hàng Việt Nam chất lượng cao.
- Công ty được công nhận trong “Top 50 Doanh nghiệp Kinh Doanh Hiệu Quả Nhất Việt Nam” (Tạp chí Nhịp Cầu Đầu Tư).





TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Mô hình quản trị

Mô hình quản trị Công ty được xây dựng, tiếp cận với các chuẩn mực và thông lệ quốc tế cũng như theo quy định tại Luật Doanh nghiệp 2005. Công ty được tổ chức theo mô hình công ty mẹ và các công ty con, các công ty liên kết. Công ty còn có các đơn vị, nhà máy, xí nghiệp trực thuộc và các phòng ban tham mưu, giúp việc theo chức năng, nhiệm vụ và được phân cấp, phân quyền. HĐQT Công ty có 75% thành viên không tham gia điều hành và có 40% thành viên hoạt động chuyên trách. Chủ tịch HĐQT là Người đại diện trước pháp luật.

Công ty đã ứng dụng hệ thống ERP (Enterprise Resource Planning) vào quản trị Công ty từ ngày 21/08/2007, là doanh nghiệp mía đường đầu tiên của Việt Nam ứng dụng giải pháp ERP. Hệ thống ERP được áp dụng tại LASUCO là sự kết hợp giữa bộ phần mềm Oracle eBusiness Suite với các phân hệ đặc thù khác do công ty FPT phát triển.

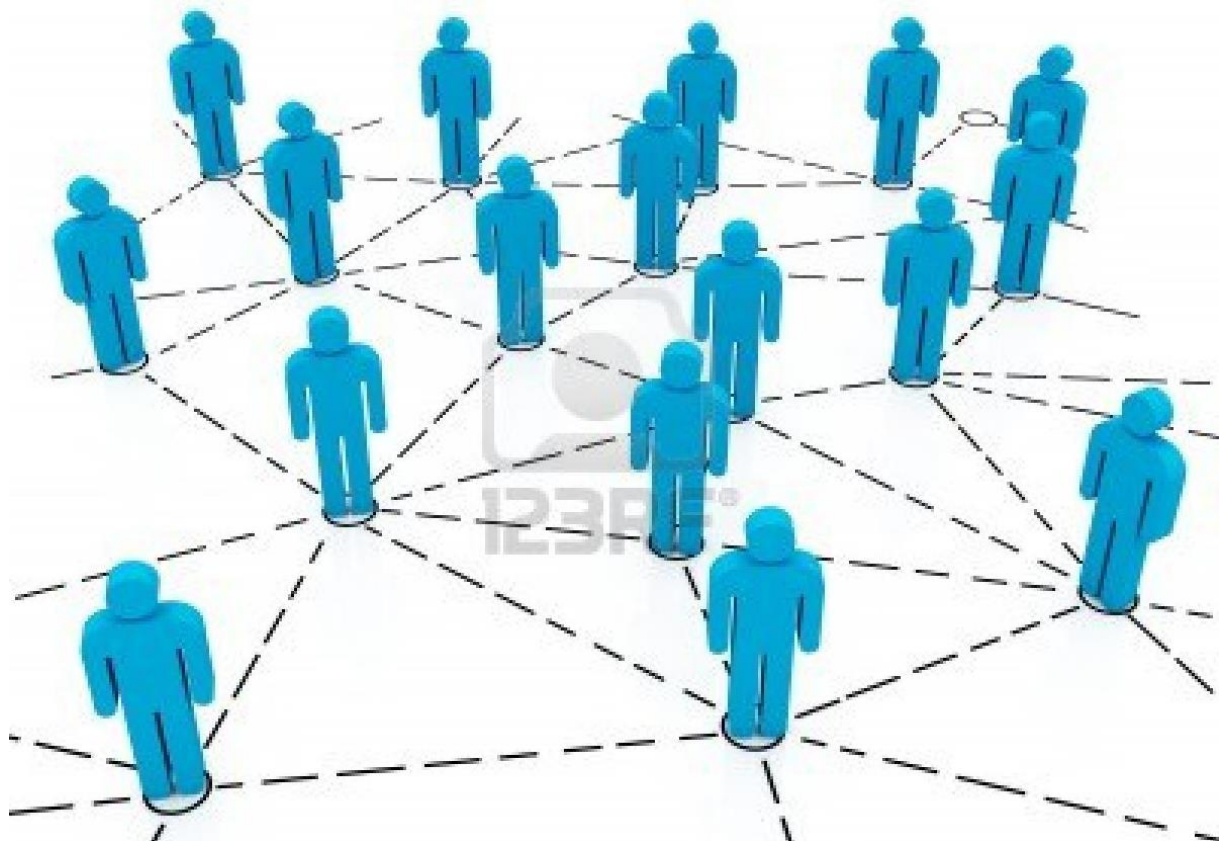
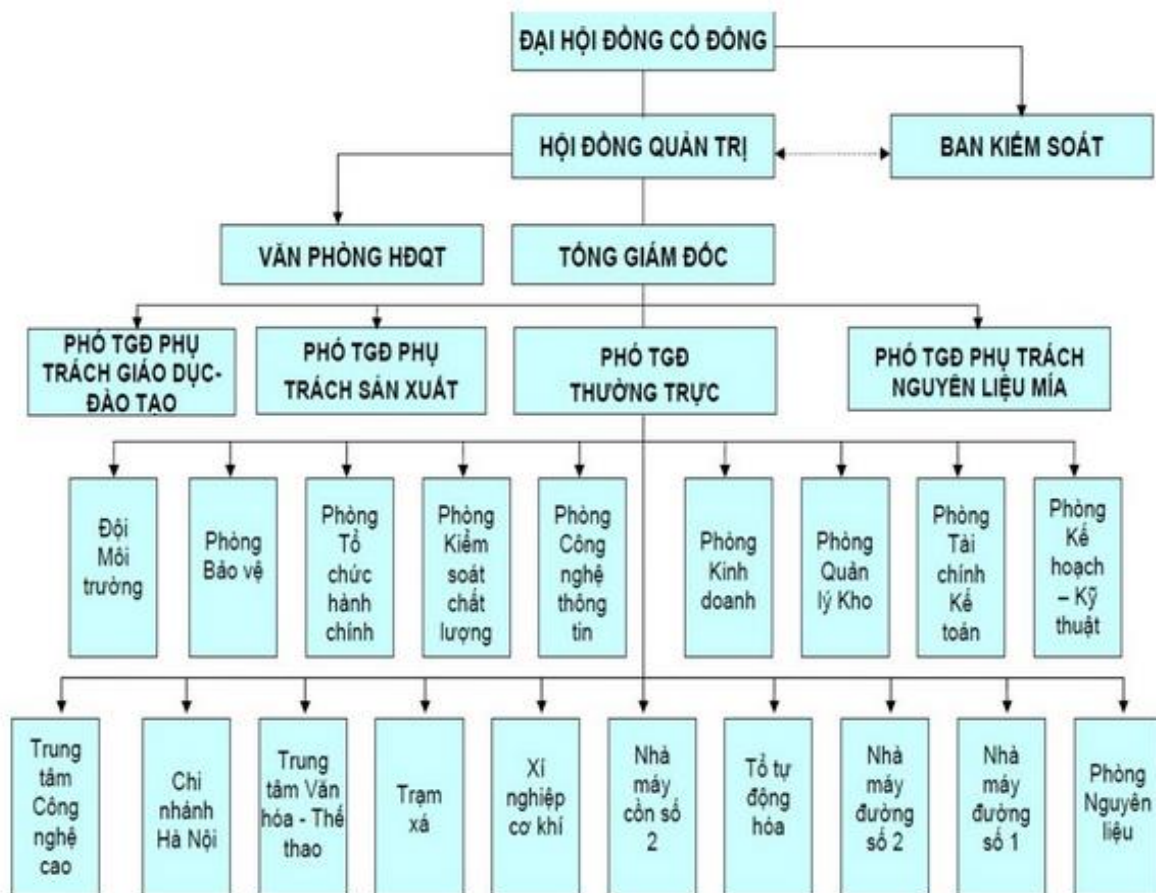
Hệ thống đã góp phần quan trọng đem lại hiệu quả nhiều mặt cho LASUCO: các yếu tố đầu vào, đầu ra trong quá trình sản xuất kinh doanh được kiểm soát chặt chẽ hơn, tiết kiệm hơn. Đặc biệt công tác quản trị, điều hành được cải tiến, giúp lãnh đạo nắm chắc được các diễn biến trong quá trình sản xuất kinh doanh, đưa ra các quyết định kịp thời hơn, hiệu quả hơn. Bên cạnh đó, thay đổi phong cách làm việc khoa học hơn, công nghiệp hơn với CBCNV do yêu cầu của chính ERP. Công tác công bố thông tin theo quy định đối với Công ty niêm yết được thực hiện kịp thời, chính xác, minh bạch được các nhà đầu tư đánh giá cao.

Công ty là doanh nghiệp chế biến mía đường đầu tiên áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9000 từ năm 1998. Từ đó đến nay hệ thống Quản lý chất lượng không ngừng được đầu tư, nâng cấp. Hiện nay Công ty đã áp dụng tiêu chuẩn ISO 22000 (ISO 22000 là tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc tế, được chấp nhận và có giá trị trên phạm vi toàn cầu. Chứng nhận một đơn vị có hệ thống quản lý tốt an toàn vệ sinh thực phẩm và đảm bảo cung cấp các thực phẩm an toàn, chất lượng cho người tiêu dùng) và OHSAS 18000 (đây là một bộ tiêu chuẩn chuyên sâu về Hệ thống Quản lý An toàn và Sức khỏe nghề nghiệp được xây dựng nhằm giúp doanh nghiệp kiểm soát những rủi ro về an toàn & sức khỏe nghề nghiệp đồng thời cải thiện công tác quản lý).

Công ty ban hành một hệ thống các quy định pháp lý: Điều lệ tổ chức và hoạt động, hệ thống các quy chế quản trị, điều hành, kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Đồng thời ban hành hệ thống các quy trình, quy định quản lý, kiểm soát theo yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 22000 và OHSAS 18000. Hệ thống này cũng đã đóng góp một phần vào sự thành công trong công tác quản trị doanh nghiệp hiệu quả.



Sơ đồ tổ chức



Giới thiệu Hội đồng Quản trị



Ông LÊ VĂN TAM
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày sinh: 10/11/1937

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

- Từ 10/1971 - 6/1975: Công tác tại Phòng Kế hoạch – Ty Nông nghiệp Tỉnh Thanh Hóa.
- Từ 7/1975 - 01/1977: Phó Phòng Kế hoạch – Ty Nông nghiệp Tỉnh Thanh Hóa.
- Từ 02/1977 - 6/1978: Trưởng Phòng Kế hoạch – Ty Nông nghiệp Tỉnh Thanh Hóa.
- Từ 7/1978 - 06/1986: Phó giám đốc Sở Nông nghiệp Thanh Hóa.
- Từ 07/1982 - 10/1988: Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp, kiêm trưởng ban quản lý xây dựng vùng mía Thanh Hoá
- Từ 11/1988 - 06/1992: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty mía đường I, Phó Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Nhà máy đường Lam Sơn.
- Từ 07/1992 – 12/1999: Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty mía đường I, Chủ tịch Hiệp hội mía đường Lam Sơn, Phó bí thư, Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Công ty Đường Lam Sơn.
- Từ năm 2000 - 2007: Chủ tịch Hiệp hội Mía Đường Việt Nam.
- Từ năm 2000 – 04/2011: Chủ tịch Hiệp hội Mía Đường Lam Sơn, Phó bí thư Đảng ủy, Tổng Giám đốc, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần mía đường Lam Sơn.
- Từ 05/2011 đến nay: Chủ tịch Hiệp hội mía đường Lam Sơn, Chủ tịch HĐQT Công ty CP mía đường Lam Sơn.
- Đại biểu Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam Khóa IX (1992-1997) và Khóa X(1997-2002)

Giới thiệu Hội đồng Quản trị



Bà LÊ THỊ TIẾN
Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày sinh: 11/10/1968
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế

Quá trình công tác

- Tháng 12/1989: Tốt nghiệp ĐH về công tác tại Công ty đường Lam Sơn.
- Từ 12/1989 - 8/2001: Kế toán viên, Phó Phòng tài chính kế toán.
- Từ 08/2001 - 07/2006: Kế toán trưởng Công ty, Trưởng phòng Tài chính Kế toán, thành viên Hội đồng quản trị khóa II.
- Từ 07/2006 - 04/2011: Trưởng Ban kiểm soát Công ty.
- Từ 5/2011 đến nay: Phó Chủ tịch HĐQT, Phó Bí Thư Đảng ủy Công ty.



Ông LÊ THANH TÙNG
Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày sinh: 04/10/1959
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Cử nhân Luật

Quá trình công tác

- 3/1979 - 5/1984: Tham gia Quân đội thuộc trung đoàn 164 – Quân Đoàn 2
- Từ 10/1988 - 11/1997: Cán bộ cảnh Thanh Hóa
- Từ 11/1997 - 11/2001: Cán bộ Phòng Kinh doanh Công ty CP mía đường Lam Sơn
- Từ 11/2001 - 11/2009: Phó Tổng giám đốc – Giám đốc Trung tâm thương mại Công ty CP mía đường Lam Sơn
- Từ 10/2009 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Thường trực
- Từ 08/2010 đến nay là Bí thư Đảng ủy Công ty
- Từ 5/2011 là Phó Chủ tịch HĐQT Công ty; Đại biểu HĐND Tỉnh Thanh Hóa nhiệm kỳ 2011-2016.



Ông TRỊNH NGỌC LONG

Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày sinh: 23/09/1952

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

- Từ năm 1982 - 1987: Làm việc tại Nông trường Sao Vàng với cương vị Trưởng phòng kế hoạch, tổ chức.
- Từ 1987 đến năm 2004: Phó Giám đốc, Giám đốc Nông trường Sao Vàng.
- Từ năm 2004 - 03/2013: Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Công ty TNHH 2 thành viên Lam Sơn - Sao Vàng.
- Từ 04/2011 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty CP mía đường Lam Sơn.
- Từ 4/2013: Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Lam Sơn – Sao Vàng.



Ông HÀ ĐỨC CHÍNH

Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày tháng năm sinh: 11/10/1960

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

- 1992 -1997: Làm việc tại Trung tâm Giống cây trồng Thọ Xuân, Thanh Hoá
- Năm 1997 – 1999: Kế toán viên tại Trung tâm giống mía Lam Sơn.
- Từ 01/2000 - 11/2009: Trưởng bộ phận tài chính kế toán, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn.
- Từ 11/2009 – 7/2011: Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn.
- Từ 7/2011 - nay: Phó chủ tịch HĐQT, Giám đốc CTCP phân bón Lam Sơn.
- Từ 04/2011 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty CP mía đường Lam Sơn.



Giới thiệu Ban kiểm soát



Ông LÊ VĂN QUANG
Trưởng Ban kiểm soát

Ngày sinh: 02/06/1979
Trình độ: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- Từ 2001 - 07/2006: Kế toán viên Công ty CP mía đường Lam Sơn.
- Từ 07/2006 -4/2011: Kiểm soát viên Công ty CP mía đường Lam Sơn.
- Từ 5/2011 đến nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP mía đường Lam Sơn



Ông ĐỖ VĂN MẠNH
Thành viên Ban kiểm soát

Ngày sinh: 03/09/1959
Trình độ: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- Từ 5/1978- 5/1982: Đi bộ đội
- Từ 1982 -1989: Cán bộ Phòng vật tư Nhà máy đường Lam Sơn
- Từ 1990 - 12/1999: Kế toán viên Công ty Đường Lam Sơn.
- Từ 1/2000 đến nay: Kiểm soát viên chuyên trách của Công ty.



Bà LÊ THỊ TÌNH
Thành viên Ban kiểm soát

Ngày sinh: 26/03/1970
Trình độ: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- Từ 02/1992 - 10/1996: Thống kê, kế toán của Đoàn vận tải Công ty.
- Từ 10/1996 - 08/2006: Trưởng bộ phận kế toán của Nhà máy Cồn số I.
- Từ 08/2006 -11/2007: Trưởng bộ phận kế toán- Nhà máy Đường số II.
- Từ 11/2007 -4/2011:Cán bộ Phòng TCKT.
- Từ 5/2011 đến nay: Kiểm soát viên Công ty CP mía đường Lam Sơn.

Giới thiệu Ban điều hành



Ông LÊ VĂN THANH
Tổng giám đốc

- Ngày sinh: 13/10/1953
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Nông nghiệp

Quá trình công tác

- Từ 8/1973 - 7/1977: Đi bộ đội
- Từ 8/1977 - 7/1982: Học Đại học Nông nghiệp 2
- Từ 8/1982 - 11/1983: Công tác tại Công ty giống cây trồng Thanh Hóa
- Từ 12/1983 - 8/1994: Trưởng phòng nông vụ Nhà máy đường Lam Sơn
- Từ 9/1994 - 7/2006: Phó giám đốc, Phó TGD Công ty, Chủ tịch Hiệp hội mía đường Lam Sơn.
- Từ 8/2006 - nay: Tổng giám đốc Công ty CP mía đường Lam Sơn.



Ông LÊ THANH TÙNG
Phó Tổng giám đốc

- Ngày sinh: 04/10/1959
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Cử nhân Luật

Quá trình công tác

- 3/1979 - 5/1984: Tham gia Quân đội thuộc trung đoàn 164 – Quân Đoàn 2
- Từ 10/1988 - 11/1997: Cán bộ cảnh Thanh Hóa
- Từ 11/1997 - 11/2001: Cán bộ Phòng Kinh doanh Công ty CP mía đường Lam Sơn
- Từ 11/2001 - 11/2009: Phó Tổng giám đốc – Giám đốc Trung tâm thương mại Công ty CP mía đường Lam Sơn
- Từ 10/2009 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Thường trực
- Từ 08/2010 đến nay là Bí thư Đảng ủy Công ty
- Từ 5/2011 là Phó Chủ tịch HĐQT Công ty; Đại biểu HĐND Tỉnh Thanh Hóa nhiệm kỳ 2011-2016.



Ông TRẦN QUỐC VINH

Phó Tổng giám đốc

Ngày sinh: 14/01/1963

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí chế tạo

Quá trình công tác:

- Từ 1992 đến 1995: Kỹ thuật phân xưởng sản xuất Công ty đường Lam Sơn
- Từ 1996 đến 1997: Phó Quản đốc, Xí nghiệp bánh kẹo Đình Hương
- Từ 1998 đến 1999: Kỹ thuật ban dự án Nhà máy đường số II
- Từ 2000 đến 2010: Giám đốc Nhà máy đường số 2.
- Từ 2010 – đến nay: Phó Tổng giám đốc phụ trách sản xuất của Công ty.
- Từ tháng 5/2011 là Đại biểu HĐND Huyện Thọ Xuân nhiệm kỳ 2011-2016.



Ông ĐẶNG THẾ GIANG

Phó Tổng giám đốc

Ngày sinh: 28/03/1965

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Nông nghiệp

Quá trình công tác:

- Từ 1987 - 1994: Ban quản lý và xây dựng vùng mía Lam Sơn, Thanh Hoá
- Từ 1995 – 2001: Phòng Nông vụ, Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn
- Từ 2002-2006: Phó giám đốc XN Nguyên liệu
- Từ 2006- 2009: Giám đốc XN Nguyên liệu
- Từ 10/2009 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty CP mía đường Lam Sơn.



Ông LÊ KHẮC CHUNG

Phó Tổng giám đốc

Ngày sinh: 24/12/1952

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư nông nghiệp

Quá trình công tác:

- Từ 10/1974 - 2/1975: Cán bộ Ban phân vùng quy hoạch nông nghiệp Thanh Hoá.
- Từ 3/1975 - 8/1987: Bộ đội - Cục Hậu cần, Cục kinh tế Quân khu 5
- Từ 9/1987 - 2/1990: Cán bộ Ban quản lý xây dựng vùng mía Thanh Hoá
- Từ 3/1990 - 7/2006: Phó trưởng Phòng Nông vụ, Bí thư Đảng uỷ, Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần mía đường Lam Sơn
- Từ 8/2006 - nay: Phó Tổng giám đốc Công ty
- Từ 3/2011- nay: Ủy viên HĐQT Trưởng cao đẳng nghề Lam Kinh



Bà LÊ THỊ HUỆ

Kế toán trưởng

Ngày tháng năm sinh: 28/8/1971

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Thạc sỹ Quản trị KD

Quá trình công tác:

- Từ 11/1993 - 9/2003: nhân viên phòng TCKT C.Ty CP mía đường Lam Sơn.
- Từ 10/2003 - 7/2006: Phó phòng TCKT Công ty.
- Từ 8/2006 - nay: Kế toán trưởng, Trưởng phòng TCKT Công ty.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY

1. CÁC RỦI RO

- Rủi ro về môi trường kinh doanh:
 - Sự không ổn định của cơ quan quyền lực Nhà nước địa phương & trung ương về chủ trương, chính sách phát triển kinh tế (chiến lược phát triển, quy hoạch ngành, quy hoạch vùng, thương mại, thuế, tài chính,...).
 - Rủi ro chính sách tự do hóa thương mại AFTA, WTO sản phẩm đường trong nước chịu sức ép cạnh tranh với đường Thế giới.
 - Xu hướng xóa bỏ trợ cấp nông sản sẽ buộc Mỹ, EU và các nước trên thế giới tiến tới xóa bỏ trợ cấp xuất khẩu. Triển vọng sẽ tạo ra điều kiện cạnh tranh có lợi cho Việt Nam nhất là giá.
 - Nhu cầu tiêu dùng đường tăng tại khu vực Châu Á, các nước Trung Đông và Trung Quốc. Bên cạnh đó nhu cầu sử dụng nhiên liệu sạch Ethanol, nên từ Châu Mỹ- Brazil chuyển mía sang sản xuất Ethanol.
- Rủi ro nội bộ: năng lực sản xuất của chế biến công nghiệp rất lớn mâu thuẫn với vùng nguyên liệu manh mún, nhỏ lẻ, phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên; Sản xuất thời vụ nên một năm chỉ sản xuất được 5-6 tháng, áp lực giải quyết việc làm ngoài vụ cho người lao động.
- Rủi ro thiên tai, lũ lụt và biến đổi khí hậu có xu hướng phức tạp, khó lường. Khi xảy ra sẽ gây thiệt hại đối với vùng nguyên liệu.

2. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

- Sản xuất các sản phẩm đa dạng, chất lượng cao, an toàn thực phẩm phục vụ và mang lại lợi ích cho mọi đối tượng khách hàng; Tăng trưởng lợi ích cho Cổ đông; Tích lũy và phát triển vững mạnh tài chính doanh nghiệp, tạo đà phát triển bền vững cho Doanh nghiệp;
- Xây dựng đội ngũ lãnh đạo chủ chốt, trung thành, liêm khiết, năng động, sáng tạo, là nền tảng - nòng cốt cho sự phát triển của Công ty; Xây dựng đội ngũ lao động trí thức, kỹ thuật, quản lý chất lượng cao, có ý thức trách nhiệm cao gắn bó với sự phát triển bền vững của Doanh nghiệp.
- Đầu tư phát triển công nghệ nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ giá thành sản xuất, không ngừng nâng cao sức cạnh tranh của Doanh nghiệp..



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2012

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2011	Năm 2012		So sánh TH 2012	
			Kế hoạch	Thực hiện	KH 2012	TH 2011
Doanh thu có thuế	1.000 Đ	1,661,116,961	2,300,000,000	1,512,693,088	66%	91%
Doanh thu thuần	1.000 Đ	1,578,221,832	2,183,766,000	1,436,046,495	66%	91%
Lợi nhuận trước thuế	1.000 Đ	500,777,333	300,000,000	40,349,064	13%	8%
Lợi nhuận sau thuế	1.000 Đ	409,005,366	225,000,000	34,504,721	15%	8%
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	1.000 Đ	201.771.339	200,000,000	64.399.284	32%	32%
Vốn đầu tư	Tỷ đồng		500-600	436	73%	

Những khó khăn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ: thời tiết không thuận lợi, thiên tai lũ lụt xảy ra, dự án chậm hoạt động so với dự kiến; Các loại nguyên, nhiên, vật liệu đều tăng cao; giá bán đường giảm mạnh so với dự báo; Chi phí lãi vay tăng đột biến do vay vốn cho dự án đầu tư kể từ khi đi vào hoạt động trong năm.

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ - THỰC HIỆN DỰ ÁN

Tổng giá trị giải ngân cho các dự án là 463.000 triệu đồng bằng 87,2 % kế hoạch. Trong đó: Dự án Nâng công suất Nhà máy đường 2, gắn với dự án điện năng lượng tái tạo 12,5MWW là 402.494 triệu đồng; Dự án xây dựng khách sạn Lam Sơn tại Sầm Sơn 6.304 triệu đồng; Góp vốn vào các công ty nông nghiệp 11,4 tỷ đồng; Dự án Nông nghiệp công nghệ cao 14.891 triệu đồng; Dự án xử lý nước thải nhà máy cồn 895 triệu đồng.

Dự án trọng điểm NCS Nhà máy đường số 2 hoàn thành đưa vào sản xuất từ 08/03/2012, tăng 60% năng lực sản xuất so với trước khi đầu tư.

III. NGUỒN NHÂN LỰC

Công ty có 925 cán bộ công nhân. Trong đó lao động có độ tuổi từ 30 tuổi đến dưới 50 tuổi chiếm 85%; Lao động có trình độ đại học cao đẳng và trên đại học chiếm 32% tổng số lao động; Lao động có trình độ trung cấp và CNKT chiếm 59%. Bên cạnh đó, Công ty luôn ưu tiên đào tạo nâng cao trình độ quản lý, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề cho CBCNV; quan tâm đến việc cải tiến các chính sách đãi ngộ và giữ chân nhân tài thông qua chính sách lương, thưởng, cổ phiếu, trái phiếu và các phúc lợi khác.



IV. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Các kỳ họp và các quyết định của HĐQT

Từ Đại hội (26/4/2012) đến nay, HĐQT đã họp 4 phiên định kỳ mỗi quý một lần và các phiên bất thường để triển khai NQĐHĐCĐ, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ hàng quý, đồng thời đưa ra các giải pháp thực hiện. Tại các kỳ họp 5/5 thành viên HĐQT tham dự đầy đủ, đồng thời có sự tham gia của Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc điều hành và một số cán bộ quản lý. Nội dung các phiên họp định kỳ: đánh giá kết quả thực hiện NQ ĐHĐCĐ thường niên và NQHĐQT quý trước, đồng thời xác định kế hoạch, nhiệm vụ, các giải pháp thực hiện của quý tiếp theo.

Trong năm, ngoài các quyết định, thông báo thường xuyên, HĐQT đã ban hành 14 nghị quyết. Trong đó, có 4 NQ kỳ họp định kỳ và 10 NQ bất thường liên quan đến Công tác phát hành trái phiếu chuyển đổi, lựa chọn Công ty kiểm toán, chi trả cổ tức đợt 2 năm 2011, thanh lý một số khoản đầu tư tài chính, cơ cấu lại vốn đầu tư một số đơn vị thành viên.

Trong năm, HĐQT thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm: chỉ đạo phát triển vùng nguyên liệu theo hướng tập trung, khắc phục dần những tồn tại, yếu kém của vùng nguyên liệu, quan tâm phát triển các mô hình Công ty cấp huyện, cấp xã và các xí nghiệp nguyên liệu trực thuộc; HĐQT tranh thủ thời gian làm việc với lãnh đạo các địa phương và bà con nông dân về công tác phát triển nguyên liệu, với cách làm mới sáng tạo; Tập trung cao độ hoàn thành dự án Nâng công suất NM đường Số II, từng bước hoàn thiện thiết bị và công nghệ; Tập trung tái cấu trúc các khoản đầu tư tài chính ra ngoài....

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Tổng giám đốc và các phó tổng giám đốc đã thực thi nhiệm vụ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty Bám sát NQ ĐHĐCĐ, NQHĐQT. Các thành viên trong Ban TGD chỉ đạo và cùng các cán bộ quản lý tổ chức triển khai thực hiện, đồng thời thường xuyên đánh giá kết quả thực hiện, xác định tồn tại và nguyên nhân, giải pháp khắc phục. Trong năm Ban điều hành đã chỉ đạo cùng các cán bộ CNV tập trung cao độ hoàn thành Dự án NCS Nhà máy đường Số II, gắn với công tác kiểm tu, sửa chữa lớn đảm bảo đưa nhà máy vào vận hành vụ 2012-2013 theo kế hoạch.

3. Mục tiêu, nhiệm vụ năm 2013

3.1- Các chỉ tiêu chủ yếu:

- Mía nguyên liệu:	1,1 triệu tấn
- Sản phẩm:	
+ Đường:	115.000 tấn (tăng 15% so với năm 2012)
+ Cồn:	10 triệu lít (tăng 12%)
- Doanh thu có VAT:	1.800 tỷ đồng, tăng 19%
- Lợi nhuận trước thuế:	100 tỷ đồng, bằng 2,5 lần
- Cổ tức:	11%

3.2. Nhiệm vụ và giải pháp tập trung:

3.2.1- Nâng cao chất lượng và hiệu quả nguồn nhân lực

Xây dựng nguồn nhân lực, đảm bảo chất lượng nhân sự cả về năng lực trình độ và ý chí sáng tạo, nâng cao vai trò và trách nhiệm cá nhân, trước hết là cán bộ lãnh đạo và cán bộ quản lý.

Xây dựng lại hệ thống quy chế, quy định gắn trách nhiệm với hưởng thụ, khuyến khích phát huy tài năng, có chính sách ưu đãi chăm sóc và bồi dưỡng cán bộ nguồn, cán bộ kế cận, cán bộ nguồn xây dựng đội ngũ chuyên gia giỏi, nhiệt tình và gắn bó với doanh nghiệp.

3.2.2- Tiếp tục đổi mới công tác quản lý và phát triển vùng nguyên liệu: Tập trung cải cách xây dựng lại vùng nguyên liệu theo hướng quy mô lớn tập trung, năng suất - chất lượng.

3.2.3. Nâng sao hiệu quả hoạt động của máy móc thiết bị và công nghệ sản xuất: Đào tạo và nâng cao trình độ tay nghề cho công nhân vận hành và lực lượng cán bộ kỹ thuật; Phấn đấu tăng các chỉ tiêu hiệu quả, giảm tối đa các chỉ tiêu tổn thất, thực hành tiết kiệm chi phí, làm tốt mục tiêu “ Sản xuất sạch và sạch hơn nữa”.

3.2.4. Công tác bán hàng: Tổ chức lại công tác tiêu thụ sản phẩm gắn với xây dựng hệ thống nhà phân phối sản phẩm của Công ty; Tăng cường mạng lưới bán lẻ; Không ngừng nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm.

3.2.5. Giải pháp về quản trị doanh nghiệp: Đánh giá lại hệ thống đầu tư ra ngoài doanh nghiệp và tái cơ cấu lại hợp lý. rà soát, chỉnh sửa, bổ sung hệ thống quy chế quản trị doanh nghiệp tạo điều kiện thuận lợi và phát huy vai trò của cả hệ thống chính trị trong doanh nghiệp, thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển.

4. Chương trình hoạt động của HĐQT năm 2013

Giữa hai kỳ Đại hội ĐCĐ 2013-2014, HĐQT sẽ tập trung chỉ đạo Ban điều hành tổ chức triển khai thực hiện NQ ĐHĐCĐ. Quan tâm: triển khai chiến lược phát triển vùng nguyên liệu, gắn với đầu tư phát triển khu Nông nghiệp CNC, phát triển các mô hình Công ty cấp huyện, cấp xã và xí nghiệp nguyên liệu; Tái cấu trúc lại Công ty TNHH Lam Sơn – Sao Vàng; Thanh lý và thu hồi vốn đầu tư ra ngoài không có hiệu quả...

Theo chương trình hoạt động toàn nhiệm kỳ, từ nay đến Đại hội Thường niên năm 2014, HĐQT sẽ họp 4 phiên định kỳ. Mỗi quý 1 phiên, tập trung đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ quý trước, thông qua kế hoạch, mục tiêu nhiệm vụ, giải pháp của quý tiếp theo. Ngoài ra, HĐQT sẽ tổ chức các phiên họp bất thường khi thấy cần thiết. Trong quá trình hoạt động, HĐQT cập nhật thông tin bên ngoài và bên trong doanh nghiệp, các thông tin hoạt động của Công ty thông qua Quy chế mối quan hệ làm việc giữa HĐQT với Ban TGD và BKS, đồng thời xử lý thông tin hiệu quả và ra các quyết định quản trị kịp thời, tranh thủ các cơ hội để Lasuco vượt qua khó khăn, thách thức phát triển bền vững.



IV. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát gồm 3 thành viên hoạt động theo chế độ chuyên trách thực hiện chức năng và nhiệm vụ được quy định tại điều 123 luật doanh nghiệp và điều 36 Điều lệ Công ty.

Trong năm 2012, Ban Kiểm soát (BKS) nhận được sự phối kết hợp, tạo điều kiện của Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban điều hành (BĐH) cùng các đơn vị trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. BKS đã thực hiện quyền hạn, trách nhiệm của mình thực thi nhiệm vụ thông qua việc tiếp nhận và xử lý thông tin có liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty. Trong năm BKS đã tổ chức 4 kỳ họp định kỳ đánh giá thực hiện nhiệm vụ và đưa ra mục tiêu nhiệm vụ của quý tiếp theo; BKS tham gia đầy đủ các cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị; tiến hành soát xét, thẩm định các báo cáo tài chính, kinh doanh 6 tháng và cả năm 2012; Tổ chức kiểm tra định kỳ tại 10 Công ty, đơn vị, phòng ban với 15 đợt kiểm tra.

Thông qua các kỳ kiểm tra định kỳ và vụ việc, thông qua báo cáo của Kiểm toán độc lập, BKS đều có báo cáo đánh giá những tồn tại, nguyên nhân và đề xuất kiến nghị giải pháp khắc phục, đồng thời giám sát quá trình khắc phục tồn tại. Ban kiểm soát ghi nhận chưa thấy có dấu hiệu vi phạm qui định tài chính làm ảnh hưởng đến quyền lợi của cổ đông.

V. THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT - BKS - BĐH

1. Thù lao, tiền lương và tiền thưởng cho Hội đồng quản trị

Đơn vị: đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao	Tiền lương
1	Lê Văn Tam	Chủ tịch HĐQT	180.000.000	780.070.673
2	Lê Thanh Tùng	Phó chủ tịch HĐQT	120.000.000	366.965.481
3	Lê Thị Tiến	Phó chủ tịch HĐQT	120.000.000	324.438.558
4	Trịnh Ngọc Long	TV HĐQT	96.000.000	
5	Hà Đức Chính	TV HĐQT	96.000.000	
	Cộng		612.000.000	1.471.474.712

2. Thù lao, tiền lương và tiền thưởng cho Ban kiểm soát

Đơn vị: đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao	Tiền lương
1	Lê Văn Quang	Trưởng BKS	120.000.000	228.103.298
2	Đỗ Văn Mạnh	Kiểm soát viên	60.000.000	106.086.523
3	Lê Thị Tình	Kiểm soát viên	60.000.000	103.791.754
	Cộng		240.000.000	437.981.575

3. Các chi phí khác cho hoạt động của HĐQT - BKS

STT	KHOẢN MỤC	THỰC HIỆN 2011	THỰC HIỆN 2012
1	Chi phí nhân viên quản lý	2,389,455,196	1,909,456,287
-	Tiền lương	2,389,455,196	1,909,456,287
2	Chi phí đồ dùng văn phòng, BHLĐ	28,895,364	20,636,636
3	Khấu hao TSCĐ quản lý	958,433,131	958,433,131
4	Chi phí dịch vụ mua ngoài	290,847,753	213,093,503
5	Chi phí quản lý bằng tiền khác	1,177,008,901	1,102,722,623
-	Trong đó: Chi phí thù lao HĐQT, BKS	852,000,000	852,000,000
	Tổng cộng	4,844,640,345	4,204,342,180
	Doanh thu có VAT	1,661,116,961,252	1,512,693,088,267
II	Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ		
-	Thù lao, chi phí hoạt động của HĐQT, BKS (0.4% Doanh thu có VAT)	6,644,467,845	6,050,772,353
III	Tiết kiệm chi phí hoạt động của HĐQT, BKS	1,799,827,500	1,846,430,173

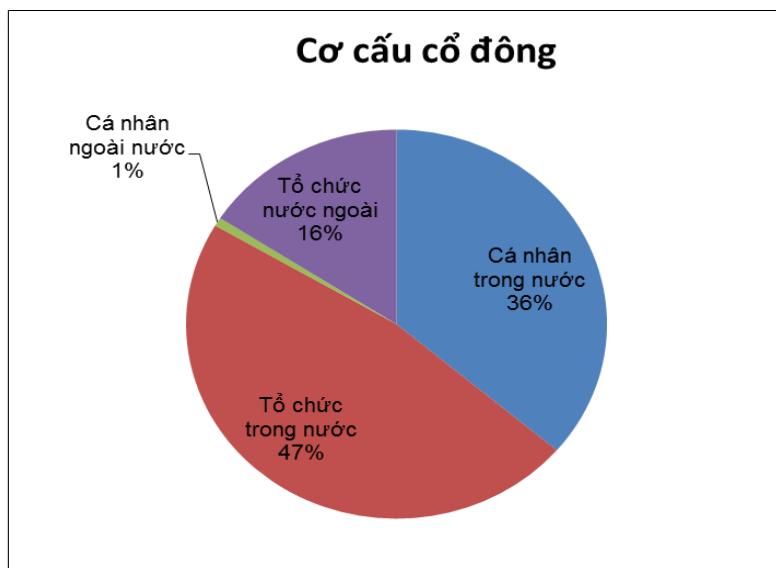
THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

Vốn điều lệ Công ty:	500.000.000.000 đồng
Khối lượng cổ phiếu niêm yết:	50.000.000 cổ phiếu
Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành:	50.000.000 cổ phiếu
Mệnh giá cổ phiếu:	10.000 đồng/cổ phiếu

1. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tại thời điểm 12/03/2013 theo danh sách chốt sổ cổ đông đại hội cổ đông thường niên năm 2013

Cổ đông	SL cổ đông	SL cổ phần	Tỷ lệ (%)
I. Trong nước	2.092	41.730.205	83,46
1. Cá nhân	2.057	18.112.700	36,23
2. Pháp nhân	35	23.617.505	47,24
II. Nước ngoài	99	8.269.795	16,54
1. Cá nhân	78	357.075	0,71
2. Pháp nhân	21	7.912.720	15,83
Cộng	2.191	50.000.000	100



Tính tại thời điểm 12/03/2013 - Thời điểm chốt danh sách đại hội cổ đông thường niên năm 2013. Với số lượng 50.000.000 cổ phiếu, LASUCO có gần 2.200 cổ đông. Cổ đông nước ngoài nắm giữ 8.269.795 cổ phiếu, tỷ lệ nắm giữ 16,54% trong đó 21 pháp nhân nước ngoài nắm giữ 7.912.720 cổ phiếu bằng 15,83% vốn điều lệ.

Cổ đông trong nước nắm giữ 41.730.205 cổ phiếu, tỷ lệ nắm giữ 83,46%; trong đó 35 pháp nhân trong nước nắm giữ 23.617.505 cổ phiếu bằng 47,24%

2. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SỞ HỮU TỪ 5% SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU

Cổ đông	Địa chỉ	SL CP	Tỷ lệ (%)
Hiệp hội mía đường Lam Sơn	Thọ Xuân – Thanh Hóa	9.728.190	19,46
Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Tân Thành Đạt	Trung hòa – Cầu giấy – Hà Nội	5.243.837	10,49
Tổng cộng		14.972.027	29,95

3. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Thời điểm 01/03/2012		Thời điểm 12/03/2013	
			Số CP	Tỷ lệ (%)	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ						
1	Lê Văn Tam	Chủ tịch HĐQT	961.260	1,92	1.000.390	2,00
2	Lê Thanh Tùng	P.Chủ tịch HĐQT	562.050	1,12	562.050	1.12
3	Lê Thị Tiến	P.Chủ tịch HĐQT	51.512	0,10	51.512	0,10
4	Hà Đức Chính	Thành viên HĐQT	29.992	0,06	54.992	0,11
5	Trịnh Ngọc Long	Thành viên HĐQT	0		0	
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH						
1	Lê Văn Thanh	Tổng giám đốc	70.312	0,14	70.312	0,14
2	Lê Khắc Chung	Phó TGD	38.675	0,08	38.675	0,08
3	Trần Quốc Vinh	Phó TGD	38.837	0.08	38.837	0,08
4	Đặng Thế Giang	Phó TGD	650		650	
BAN KIỂM SOÁT						
1	Lê Văn Quang	Trưởng BKS	17.500	0,035	17.500	0,035
2	Bà Lê Thị Tình	Thành viên BKS	3.125	0,006	3.125	0,006
3	Đỗ Văn Mạnh	Thành viên BKS	12.500	0,025	12.500	0,025
KẾ TOÁN TRƯỞNG						
1	Lê Thị Huệ	Kế toán trưởng	26.875	0,05	26.875	0,05



THÔNG TIN CÁC CÔNG TY CON – CÔNG TY LIÊN KẾT

I. CÔNG TY CON

1. Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn

Trụ sở chính: Xuân Phú - Huyện Thọ Xuân - Tỉnh Thanh Hóa

Vốn điều lệ: 15.500.000.000 đồng (Mười lăm tỷ năm trăm triệu đồng)

Vốn góp của Lasuco: 9.000.000.000 đồng = 58,06% vốn điều lệ.

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ, Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, Kinh doanh, xuất nhập khẩu phân bón các loại.

2. Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng

Khái quát về Công ty

Trụ sở chính: Thị trấn Sao Vàng - Huyện Thọ Xuân - Tỉnh Thanh Hóa

Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng)

Lasuco đầu tư: 20.000.000.000 đồng = 100% vốn điều lệ.

Ngành nghề kinh doanh chính:

- Trồng cây mía; cao su; cây ăn quả và trồng cây hàng năm khác.
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt.
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét.
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, sản xuất xi măng, vôi và thạch cao.
- Chế biến và bảo quản rau quả.
- Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp.
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh và trồng cây lâu năm khác.

3. Công ty Cổ phần Cơ giới Nông nghiệp Lam Sơn

Trụ sở chính: Khu 6 - Thị trấn Lam Sơn - Huyện Thọ Xuân - Tỉnh Thanh Hóa

Vốn điều lệ: 7.115.000.000 đồng (Bảy tỷ, một trăm mười lăm triệu đồng chẵn)

Vốn góp của Lasuco: 5.550.000.000 đồng, = 78 % vốn điều lệ.

Ngành nghề kinh doanh chính

- Dịch vụ cơ giới nông nghiệp.
- Thi công các công trình: giao thông, thủy lợi.
- Xúc tiến triển khai làm điểm chăm sóc, thu hoạch mía.
- Kinh doanh xăng dầu, vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc, ô tô.
- Dịch vụ cơ khí, chế tạo công cụ phục vụ nông nghiệp; sửa chữa, bảo dưỡng theo cấp các loại máy móc, thiết bị, ô tô, máy kéo.
- Kinh doanh xuất nhập khẩu phương tiện cơ giới làm đất, làm đường, máy xây dựng và máy chăm sóc thu hoạch mía.
- Kinh doanh vận tải hàng hóa đường bộ.

4. Công ty TNHH thương mại đầu tư và du lịch Lam Sơn

Trụ sở chính: 6/34A Nguyễn Khoái - Phường Bạch Đằng - Hai Bà Trưng - Hà Nội.

Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng chẵn).

Lasuco đầu tư 30.000.000.000 đồng, = 100% vốn điều lệ.

Ngành nghề kinh doanh chính:

- Bán buôn đồ uống, café, sản phẩm thuốc lá, thuốc láo, chè, thực phẩm khác.
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh.

5. Công ty Cổ phần Giấy Lam Sơn

Trụ sở chính: Xã Vạn Thắng - Huyện Nông Cống - Tỉnh Thanh Hóa

Vốn điều lệ: 10.230.480.000 đồng (Mười tỷ, hai trăm ba mươi triệu, bốn trăm tám mươi nghìn đồng chẵn)

Vốn góp của Lasuco: 6.968.730.000 đồng, = 68,12% vốn điều lệ.

Ngành nghề kinh doanh chính:

- Sản xuất, kinh doanh sản phẩm giấy các loại, bao bì, in trên bao bì.

6. Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Lam Sơn - Bá Thước

Trụ sở chính: Thị trấn Cành Nàng - Huyện Bá Thước - Tỉnh Thanh Hóa.

Vốn điều lệ: 18.000.000.000 đồng (Mười tám tỷ đồng chẵn).

Vốn góp của Lasuco: 10.000.000.000 đồng, = 55,56% vốn điều lệ.

Ngành nghề kinh doanh chính:

- Trồng cây mía, Trồng cây gia vị, cây dược liệu; Trồng rừng và chăm sóc rừng.
- Khai thác gỗ, thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác.
- Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp.
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón.
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng, sản xuất bao bì bằng gỗ, sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện.
- Khai thác xử lý và cung cấp nước.
- Trồng rau, đậu các loại, trồng hoa, cây cảnh, trồng cây hàng năm khác.

7. Công ty Cổ phần Nông công nghiệp Dịch vụ Thương mại Vân Sơn

Trụ sở chính: Xã Vân Sơn - Huyện Triệu Sơn - Tỉnh Thanh Hóa.

Vốn điều lệ: 12.000.000.000 đồng (Mười hai tỷ đồng chẵn).

Vốn góp của Lasuco: 9.000.000.000 đồng, = 75% vốn điều lệ.

Ngành nghề kinh doanh chính:

- Trồng cây mía, cây lấy củ có chất tinh bột, rau đậu các loại, trồng hoa, cây cảnh, cây hàng năm khác.
- Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp.
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt, chăn nuôi, dịch vụ sau thu hoạch.

II. CÔNG TY LIÊN KẾT**1. Công ty cổ phần Du lịch Thanh Hóa**

Trụ sở chính: 25A Quang Trung - P. Ngọc Trạo - Tp Thanh Hóa

Vốn điều lệ: 11.998.800.000 đồng (Mười một tỷ, chín trăm chín tám triệu, tám trăm nghìn đồng chẵn).

Vốn góp của Lasuco: 5.478.400.000 đồng, = 45,66 % vốn điều lệ .

Ngành nghề kinh doanh chính:

- Dịch vụ khách sạn, Dịch vụ thương mại và dịch vụ khác.
- Kinh doanh kho tàng, bến bãi.
- Quản lý và kinh doanh nhà, cho thuê nhà và đất ở, cơ sở sản xuất kinh doanh.
- Kinh doanh lữ hành, vận tải hành khách đường bộ, đường thủy nội địa.

2. Công ty CP Đầu tư phát triển Lam Sơn - Như Xuân

Trụ sở chính: Thôn 8 - Xã Xuân Hòa - Huyện Như Xuân - Tỉnh Thanh Hóa.

Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng chẵn).

Vốn góp của Lasuco: 15.000.000.000 đồng, = 30% vốn điều lệ.

Ngành nghề kinh doanh chính:

- Trồng cây mía.
- Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác.
- Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón.
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện.
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác.
- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Khai thác gỗ.
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.

3. Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển

Trụ sở chính: Lô CN - B3 - KCN Phú Nghĩa - Xã Phú Nghĩa - Huyện Chương Mỹ - TP Hà Nội

Vốn điều lệ theo ĐKKD: 70.000.000.000 đồng (Bảy mươi tỷ đồng chẵn)

Vốn điều lệ thực góp: 56.005.000.000 đồng.

Vốn góp của Lasuco: 21.500.000.000 đồng, = 38,39% vốn điều lệ thực góp.

Ngành nghề kinh doanh chính:

- Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh.
- Đóng chai các loại rượu.
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.
- Kinh doanh các loại rượu và đồ uống khác do Công ty sản xuất.

4. Trường cao đẳng nghề Lam Kinh

Trụ sở chính: Thị trấn Sao Vàng - Huyện Thọ Xuân - Tỉnh Thanh Hóa

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh: 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng chẵn)

Vốn thực góp đến 31/12/2012: 5.679.854.253 đồng.

Vốn góp của Lasuco: 5.179.854.253 đồng, =17,27% vốn điều lệ.

Hoạt động dạy nghề: Chế biến thực phẩm; Quản trị khách sạn; Kế toán doanh nghiệp; Quản trị doanh nghiệp vừa và nhỏ.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN NĂM 2012

A. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN RIÊNG CỦA CÔNG TY ME

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn được chuyển đổi từ Công ty Đường Lam Sơn (Doanh nghiệp Nhà Nước) theo Quyết định số 1133/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 056673 ngày 23 tháng 12 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp, Công ty đi vào hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 01 tháng 01 năm 2000. Công ty đã được cấp mã số doanh nghiệp số 2800463346 sửa đổi lần thứ 07 ngày 08 tháng 06 năm 2011.

Trụ sở chính của Công ty tại Thị trấn Lam Sơn - Thọ Xuân - Thanh Hóa.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Lê Văn Tam	Chủ tịch
Ông	Lê Thanh Tùng	Phó Chủ tịch
Bà	Lê Thị Tiến	Phó Chủ tịch
Ông	Trịnh Ngọc Long	Ủy viên
Ông	Hà Đức Chính	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Lê Văn Thanh	Tổng Giám đốc
Ông	Lê Khắc Chung	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Lê Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Đặng Thế Giang	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Trần Quốc Vinh	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông	Lê Văn Quang	Trưởng Ban kiểm soát
Ông	Đỗ Văn Mạnh	Ủy viên
Bà	Lê Thị Tình	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần

thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC, ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thanh Hóa, ngày 15 tháng 03 năm 2013
 TM. Ban Tổng Giám đốc
 Tổng Giám đốc


 Lê Văn Thanh

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: 369 /2013/BC.KTTC-AASC.KT1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

Kính gửi: Quý Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn được lập ngày 15 tháng 03 năm 2013 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày từ trang 5 đến trang 37 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2013

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)

Phó Tổng Giám đốc
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
DỊCH VỤ TƯ VẤN
TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ
KIỂM TOÁN

Nguyễn Quốc Dũng

Chứng chỉ KTV số: 0285/KTV

Kiểm toán viên

Phạm Anh Tuấn

Phạm Anh Tuấn

Chứng chỉ KTV số: 0777/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Đã kiểm toán)

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B01-DN/HN

Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		920.629.000.655	1.025.650.952.035
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	106.444.251.929	98.932.637.197
1. Tiền	111		37.844.251.929	9.054.678.030
2. Các khoản tương đương tiền	112		68.600.000.000	89.877.959.167
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4	14.840.738.889	16.245.000.046
1. Đầu tư ngắn hạn	121		21.878.738.889	37.896.500.046
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(7.038.000.000)	(21.651.500.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		461.481.658.857	630.848.613.589
1. Phải thu khách hàng	131		37.813.026.681	51.353.206.939
2. Trả trước cho người bán	132		410.219.754.410	569.753.978.576
5. Các khoản phải thu khác	135	5	18.045.389.958	12.453.471.762
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	6	(4.596.512.192)	(2.712.043.688)
IV. Hàng tồn kho	140	7	261.874.890.841	134.077.850.727
1. Hàng tồn kho	141		265.896.364.101	134.077.850.727
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(4.021.473.260)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		75.987.460.139	145.546.850.476
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	50.875.944.988	33.706.753.120
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	15.244.980.000
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	18.210.664.082
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	25.111.515.151	78.384.453.274
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.517.341.623.753	994.562.678.549
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		19.386.487.355	22.475.006.421
4. Phải thu dài hạn khác	218	10	19.386.487.355	22.475.006.421
II. Tài sản cố định	220		1.327.203.920.157	781.594.629.944
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.019.957.293.889	155.532.119.707

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
- Nguyên giá	222		1.887.123.953.562	946.782.676.565
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(867.166.659.673)	(791.250.556.858)
3. Tài sản cố định vô hình	227	12	18.173.866.721	10.243.175.139
- Nguyên giá	228		25.321.710.332	15.972.632.911
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(7.147.843.611)	(5.729.457.772)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	289.072.759.547	615.819.335.098
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	14	159.888.115.912	183.883.434.886
1. Đầu tư vào công ty con	251		91.915.323.886	90.515.323.886
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		46.800.390.000	29.573.390.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		49.266.408.183	86.001.396.253
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		(28.094.006.157)	(22.206.675.253)
V. Tài sản dài hạn khác	260		10.863.100.329	6.609.607.298
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	10.863.100.329	6.609.607.298
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.437.970.624.408	2.020.213.630.584

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.187.878.442.454	639.783.621.033
I. Nợ ngắn hạn	310		841.867.031.408	360.230.600.692
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	577.876.764.618	173.149.862.782
2. Phải trả người bán	312		100.704.038.782	35.701.727.563
3. Người mua trả tiền trước	313		1.292.170.001	15.510.007.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	15.119.979.751	42.509.184.421
5. Phải trả người lao động	315		1.714.452.316	18.734.786.022
6. Chi phí phải trả	316	18	7.515.218.645	1.780.933.583
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	19	80.001.871.893	30.471.532.503
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		57.642.535.402	42.372.566.818
II. Nợ dài hạn	330		346.011.411.046	279.553.020.341
4. Vay và nợ dài hạn	334	20	298.436.771.000	164.009.340.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	31.2	9.286.366	3.710.162.592
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	1.243.209.085

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
9. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		47.565.353.680	110.590.308.664
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.250.092.181.954	1.380.430.009.551
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	1.249.446.005.854	1.379.921.402.420
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		500.000.000.000	500.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		180.276.411.784	180.276.411.784
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		474.339.518.178	249.119.418.106
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		60.325.354.056	41.520.206.268
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		34.504.721.836	409.005.366.262
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		646.176.100	508.607.131
2. Nguồn kinh phí	432	22	487.053.793	156.491.021
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		159.122.307	352.116.110
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.437.970.624.408	2.020.213.630.584

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	002		17.976.500.000	
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		1.389.629.740	641.869.740
5. Ngoại tệ các loại	005			
- USD	005a		35.951	35.933

Người lập biểu



Đỗ Thị Thanh Hà

Kế toán trưởng



Lê Thị Huệ

Thanh Hóa, ngày 15 tháng 03 năm 2013

Tổng Giám đốc



Lê Văn Thanh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.436.046.495.327	1.578.221.832.114
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	23	1.436.046.495.327	1.578.221.832.114
4. Giá vốn hàng bán	11	24	1.321.672.327.097	1.032.469.123.616
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		114.374.168.230	545.752.708.498
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	11.955.177.970	45.191.931.046
7. Chi phí tài chính	22	26	90.393.862.834	34.658.004.211
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		73.691.763.698	14.335.657.184
8. Chi phí bán hàng	24	27	9.907.904.035	17.265.962.863
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	28	(14.317.735.875)	93.367.447.731
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		40.345.315.206	445.653.224.739
11. Thu nhập khác	31	29	1.617.116.322	57.673.497.955
12. Chi phí khác	32	30	1.613.366.940	2.549.389.301
13. Lợi nhuận khác	40		3.749.382	55.124.108.654
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		40.349.064.588	500.777.333.393
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31.1	9.545.218.978	88.061.804.539
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	31.2	(3.700.876.226)	3.710.162.592
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		34.504.721.836	409.005.366.262

Người lập biểu



Đỗ Thị Thanh Hà

Kế toán trưởng



Lê Thị Huệ

Thanh Hóa, ngày 15 tháng 03 năm 2013

Tổng Giám đốc



Lê Văn Thanh

(Báo cáo tài chính kiểm toán riêng của Công ty mẹ được đăng tải chi tiết tại Website: <http://lasuco.vn>)

B. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN HỢP NHẤT**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn được chuyển đổi từ Công ty Đường Lam Sơn (Doanh nghiệp Nhà Nước) theo Quyết định số 1133/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 056673 ngày 23 tháng 12 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp, Công ty đi vào hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 01 tháng 01 năm 2000. Công ty đã được cấp mã số doanh nghiệp số 2800463346 sửa đổi lần thứ 07 ngày 08 tháng 06 năm 2011.

Trụ sở chính của Công ty tại Thị trấn Lam Sơn - Thọ Xuân - Thanh Hóa.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Lê Văn Tam	Chủ tịch
Ông	Lê Thanh Tùng	Phó Chủ tịch
Bà	Lê Thị Tiến	Phó Chủ tịch
Ông	Trịnh Ngọc Long	Ủy viên
Ông	Hà Đức Chính	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông	Lê Văn Thanh	Tổng Giám đốc
Ông	Lê Khắc Chung	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Lê Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Đặng Thế Giang	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Trần Quốc Vinh	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông	Lê Văn Quang	Trưởng Ban kiểm soát
Ông	Đỗ Văn Mạnh	Ủy viên
Bà	Lê Thị Tình	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC, ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thanh Hóa, ngày 25 tháng 03 năm 2013
 TM: Ban Tổng Giám đốc
 Tổng Giám đốc

 Lê Văn Thanh



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN
AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTANCY SERVICE COMPANY LTD. (AASC)

Số: 437/2013/BC.KTTC-AASC.KT1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012
của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn**

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn được lập ngày 25 tháng 03 năm 2013 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được trình bày từ trang 5 đến trang 43 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra và áp dụng các thử nghiệm cần thiết theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Stump

Đoàn Thị Thúy
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 0937/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Đã kiểm toán)

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B01-DN/HN

Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.154.005.552.408	1.209.876.937.022
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	127.707.687.320	126.273.557.325
1. Tiền	111		52.239.024.707	19.895.598.158
2. Các khoản tương đương tiền	112		75.468.662.613	106.377.959.167
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4	14.840.738.889	16.245.000.046
1. Đầu tư ngắn hạn	121		21.878.738.889	37.896.500.046
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(7.038.000.000)	(21.651.500.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		482.755.605.598	720.038.312.498
1. Phải thu khách hàng	131		106.791.413.949	126.173.127.635
2. Trả trước cho người bán	132		369.725.925.669	586.888.643.831
5. Các khoản phải thu khác	135	5	11.927.997.998	10.791.696.222
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	6	(5.689.732.018)	(3.815.155.190)
IV. Hàng tồn kho	140	7	443.135.409.908	199.672.381.599
1. Hàng tồn kho	141		447.306.951.198	199.688.381.599
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(4.171.541.290)	(16.000.000)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		85.566.110.693	147.647.685.554
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	51.906.594.572	34.348.077.204
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		8.119.692.020	16.242.054.166
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	9	21.979.828	18.432.643.910
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	25.517.844.273	78.624.910.274
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.522.066.404.275	981.801.862.300
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5.395.612.950	10.802.679.521
4. Phải thu dài hạn khác	218	11	5.395.612.950	10.802.679.521
II. Tài sản cố định	220		1.431.620.962.093	875.305.730.999
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	1.103.524.164.418	238.533.227.102
- Nguyên giá	222		2.058.056.995.183	1.098.162.858.403
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(954.532.830.765)	(859.629.631.301)
3. Tài sản cố định vô hình	227	13	18.229.027.541	10.329.484.608
- Nguyên giá	228		25.436.679.152	16.087.601.731
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(7.207.651.611)	(5.758.117.123)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	14	309.867.770.134	626.443.019.289
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	15	61.608.824.098	79.401.692.258
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		20.404.470.756	14.791.062.314
3. Đầu tư dài hạn khác	258		49.613.198.183	85.950.222.660
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		(8.408.844.841)	(21.339.592.716)
V. Tài sản dài hạn khác	260		20.783.504.618	13.386.603.515
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	20.528.812.962	13.306.644.730
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	35.2	254.691.656	79.958.785
VI. Lợi thế thương mại	269		2.657.500.516	2.905.156.007
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.676.071.956.683	2.191.678.799.322

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.400.640.325.641	786.192.577.233
I. Nợ ngắn hạn	310		1.049.662.537.772	498.249.400.073
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	17	741.144.160.972	290.257.478.901
2. Phải trả người bán	312		115.597.093.710	49.798.619.685
3. Người mua trả tiền trước	313		8.741.903.486	2.436.300.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	18.459.808.498	48.222.373.396
5. Phải trả người lao động	315		9.714.312.054	24.083.849.659
6. Chi phí phải trả	316	19	9.019.171.327	3.459.927.796
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	20	87.135.749.511	36.256.874.542
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		59.850.338.214	43.733.976.094
II. Nợ dài hạn	330		350.977.787.869	287.943.177.160
3. Phải trả dài hạn khác	333	21	2.851.493.619	2.922.429.699
4. Vay và nợ dài hạn	334	22	300.236.771.000	164.584.340.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	35.2	9.286.366	3.710.162.592
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		0	2.468.853.001
9. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		47.880.236.884	114.257.391.868
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.256.298.150.368	1.386.266.679.650
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	1.255.651.974.268	1.385.758.072.519
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		500.000.000.000	500.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		180.276.411.784	180.276.411.784
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		286.627.141	286.627.141
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		480.452.896.399	251.355.702.138
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		61.310.648.245	42.263.182.070
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		133.182.845	122.354.932
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		33.192.207.854	411.453.794.454
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		646.176.100	508.607.131
2. Nguồn kinh phí	432	24	487.053.793	156.491.021
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		159.122.307	352.116.110
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		19.133.480.674	19.219.542.439
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.676.071.956.683	2.191.678.799.322

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	VND		6.497.500.000	0
4. Nợ khó đòi đã xử lý	VND		1.389.629.740	641.869.740
5. Ngoại tệ các loại				
- Đô la Mỹ	USD		36.407	36.398


Lê Thị Huệ
 Kế toán trưởng
 Thanh Hóa, ngày 25 tháng 03 năm 2013



Lê Văn Thanh
 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25	1.890.282.266.227	2.025.682.020.659
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	26	1.407.262.025	194.080.725
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	27	1.888.875.004.202	2.025.487.939.934
11	4. Giá vốn hàng bán	28	1.712.816.461.771	1.417.667.990.177
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		176.058.542.431	607.819.949.757
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	29	7.847.559.283	42.593.950.974
22	7. Chi phí tài chính	30	94.651.765.608	48.734.272.538
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		96.737.935.814	28.917.830.423
24	8. Chi phí bán hàng	31	23.220.765.023	27.457.893.653
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	32	12.064.384.641	112.909.198.861
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		53.969.186.442	461.312.535.679
31	11. Thu nhập khác	33	2.554.444.882	58.763.220.071
32	12. Chi phí khác	34	2.289.285.001	3.962.838.729
40	13. Lợi nhuận khác		265.159.881	54.800.381.342
45	14. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh		(10.686.591.573)	(7.055.698.905)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		43.547.754.750	509.057.218.116
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	35.1	10.180.985.425	91.049.385.430
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	35.2	(3.875.609.097)	5.031.026.724
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		37.242.378.422	412.976.805.962
61	18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		1.297.913.736	1.845.388.138
62	18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		35.944.464.686	411.131.417.824



 Lê Thị Huệ
 Kế toán trưởng
 Thanh Hóa, ngày 25 tháng 03 năm 2013



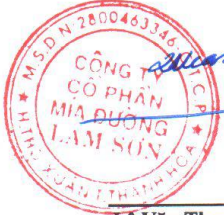
Lê Văn Thanh
 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		43.547.754.750	509.057.218.116
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		94.729.832.144	43.308.732.108
03	- Các khoản dự phòng		(20.766.369.757)	(10.227.075.420)
04	- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		24.946.962	(14.876.178.007)
05	- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư		8.429.384.527	(52.350.280.868)
06	- Chi phí lãi vay		96.737.935.814	28.917.830.423
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		222.703.484.440	503.830.246.352
09	- Tăng/giảm các khoản phải thu		381.757.520.401	(219.208.182.072)
10	- Tăng/giảm hàng tồn kho		(227.866.669.599)	(50.267.544.028)
11	- Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		(133.913.498.488)	27.973.516.672
12	- Tăng/giảm chi phí trả trước		(24.780.685.600)	(16.643.235.551)
13	- Tiền lãi vay đã trả		(91.159.928.861)	(27.486.000.993)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(13.147.668.527)	(118.461.990.456)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		415.562.772	1.601.450.225
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(16.596.958.286)	(14.987.885.235)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		97.411.158.252	86.350.374.914
	II. LƯU CHUYỂN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(612.655.714.075)	(729.458.351.109)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		80.720.000	24.301.598.960
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(2.852.212.538)	(8.505.490.046)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		361.643.070	32.272.938.461
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(12.227.000.000)	(7.408.568.191)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		16.119.397.564	18.750.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.739.852.754	16.897.536.865
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(607.433.313.224)	(653.150.335.060)

III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	1.894.079.209.567	791.195.317.787
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(1.307.540.096.496)	(421.745.770.449)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(75.084.404.967)	(139.739.057.250)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	511.454.708.104	229.710.490.088
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	1.432.553.131	(337.089.470.058)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	126.273.557.325	463.299.096.059
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy		
61	đổi ngoại tệ	1.576.864	63.931.324
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3 127.707.687.320	126.273.557.325

  Lê Thị Huệ Kế toán trưởng Thanh Hóa, ngày 25 tháng 03 năm 2013	 Lê Văn Thanh Tổng Giám đốc
---	--

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2012

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1 . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn được chuyển đổi từ Công ty Đường Lam Sơn (Doanh nghiệp Nhà Nước) theo Quyết định số 1133/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 1999 của Thủ tướng Chính Phủ. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 056673 ngày 23 tháng 12 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp. Công ty đi vào hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 01 tháng 01 năm 2000. Công ty đã được cấp mã số doanh nghiệp số 2800463346 sửa đổi lần thứ 07 ngày 08 tháng 06 năm 2011.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 07 là 500.000.000.000 VND (Năm trăm tỷ đồng).

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Văn phòng Công ty
Chi nhánh Công ty tại Hà Nội
Nhà máy cồn số 2
Nhà máy đường số 1
Nhà máy đường số 2
Xí nghiệp Nguyên liệu

Địa chỉ

Thị trấn Lam Sơn - Thọ Xuân - Thanh Hóa
Số 17 Mạc Thị Bưởi, Hà Nội
Thị trấn Lam Sơn - Thọ Xuân - Thanh Hóa
Thị trấn Lam Sơn - Thọ Xuân - Thanh Hóa
Thị trấn Lam Sơn - Thọ Xuân - Thanh Hóa
Thị trấn Lam Sơn - Thọ Xuân - Thanh Hóa

Công ty có các công ty con tại thời điểm 31/12/2012 bao gồm:

Tên công ty con	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa	58,06%	58,06%	Sản xuất phân bón, dịch vụ vận tải
Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng	Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa	100,00%	100,00%	Trồng trọt, chăn nuôi, kinh doanh sản phẩm từ trồng trọt, chăn nuôi
Công ty Cổ phần Cơ giới Nông nghiệp Lam Sơn	Huyện Thọ Xuân, Tỉnh Thanh Hóa	78,00%	78,00%	Khai hoang làm đất, đường giao thông, sửa chữa ô tô
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư và Du lịch Lam Sơn	Hai Bà Trưng, Hà Nội	100,00%	100,00%	Kinh doanh bánh kẹo, dịch vụ du lịch, vận tải, Bất động sản
Công ty Cổ phần Giấy Lam Sơn	Huyện Nông Cống, Tỉnh Thanh Hóa	68,12%	68,12%	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm giấy
Công ty Cổ phần Nông Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Vân Sơn (i)	Huyện Triệu Sơn, Tỉnh Thanh Hóa	92,22%	92,22%	Trồng trọt, chăn nuôi, kinh doanh sản phẩm từ trồng trọt, chăn nuôi, sản xuất vật liệu xây dựng
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn - Bá Thước (ii)	Bá Thước, Tỉnh Thanh Hóa	93,27%	97,69%	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp

(i) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Nông Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Vân Sơn bao gồm: Công ty

Cổ phần Mía đường Lam Sơn đầu tư 9,0 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ 78,95%, các công ty con đầu tư 2,4 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ 13,27%/vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Nông công nghiệp Dịch vụ Thương mại Vân Sơn. Tỷ lệ lợi ích trực tiếp và gián tiếp của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn đối với Công ty Cổ phần Nông Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Vân Sơn là 92,22%.

- (i) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Bá Thước bao gồm: Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn đầu tư 10 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ 76,92%, các công ty con đầu tư 2,7 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ 20,77%/vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Bá Thước. Tỷ lệ lợi ích trực tiếp và gián tiếp của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn đối với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Bá Thước là 93,27%.

Không có công ty con nào không được hợp nhất trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty có các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại thời điểm 31/12/2012 bao gồm :

Tên công ty liên kết	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hóa	Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa	41,95%	41,95%	Kinh doanh nhà hàng, khách sạn, lữ hành
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển	Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội	38,39%	38,39%	Chưng cất, pha chế các loại rượu
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn - Như Xuân (*)	Như Xuân, Tỉnh Thanh Hóa	31,16%	31,16%	Trồng cây cao su, mía, cây lâm nghiệp

(*): Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn - Như Xuân được xác định bằng tỷ lệ vốn góp của Công ty trên tổng vốn điều lệ trên Giấy đăng ký kinh doanh của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn - Như Xuân tại thời điểm 31/12/2012.

Không có công ty liên kết nào không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy phép đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 07 ngày 08 tháng 06 năm 2011, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất đường;
- Chăn nuôi trâu bò;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Bán buôn tổng hợp;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Sản xuất cồn, nước uống có cồn và không có cồn;
- Chế biến các sản phẩm sau đường và các mặt hàng nông, lâm sản;
- Cung ứng vật tư, nguyên liệu sản xuất và các loại giống cây, con;
- Chế biến các sản phẩm cao su;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị, vật tư phụ tùng thay thế phục vụ cho sản xuất kinh doanh;
- Sản xuất và kinh doanh khí, lỏng, rắn;

- Dịch vụ sửa chữa và gia công máy móc, thiết bị, và dịch vụ làm đất nông nghiệp, lâm nghiệp;
- Hoạt động nghiên cứu và phát triển khoa học trong lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, Công ty đã hoàn thành quá trình nâng cấp, mở rộng Nhà máy đường số 2 và đưa nhà máy đi vào hoạt động từ ngày 08/03/2012 với công suất thiết kế 8.000 tấn mía/ngày. Sản lượng đường sản xuất ra trong năm 2012 của nhà máy đường 2 đạt 54.799,5 tấn.

Hiện Dự án sử dụng bã mía làm nguyên liệu phát điện của Nhà máy đường số 2 cũng đang trong giai đoạn hoàn tất, dự kiến sẽ hoàn thành và đưa vào hoạt động trong năm 2013.

Do ảnh hưởng từ giá bán đường và mức tiêu thụ giảm trên thị trường, doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm 2012 của Công ty giảm 6,73% so với năm 2011. Trong khi đó, chi phí nguyên liệu tăng, chất lượng mía giảm, Nhà máy đường số 2 mới đi vào hoạt động, chi phí đầu tư lớn dẫn đến chi phí khấu hao tăng đáng kể và kết quả là giá thành sản phẩm tăng cao. Bên cạnh đó, chi phí lãi vay ngừng vốn hóa của các khoản vay sử dụng cho các Dự án đầu tư kể từ thời điểm hoàn thành trong năm góp phần làm tăng chi phí tài chính năm 2012. Do ảnh hưởng lớn từ các vấn đề nêu trên, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của năm 2012 của Công ty giảm đáng kể so với năm 2011.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm tài chính với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

2.4 . Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

2.5 . Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá mua so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó và không quá 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

2.6 . Bất lợi kinh doanh

Bất lợi thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết và đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày diễn ra nghiệp vụ mua công ty so với mức giá mua công ty. Bất lợi thương mại được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.7 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.8 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.9 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: Đối với việc sản xuất kinh doanh đường, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành. Năm 2012 Công ty thay đổi phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang theo tổng chi phí phát sinh thực tế sang phương pháp xác định theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh giấy bao bì, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định bằng giá trị của bán thành phẩm và một số nguyên vật liệu phụ. Đối với các hoạt động khác, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao tại công ty mẹ được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 38 năm
- Máy móc, thiết bị	04 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 20 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 10 năm
- Cây xanh lâu năm	15 năm
- Quyền sử dụng đất	20 - 35 năm
- Phần mềm quản lý	05 - 08 năm

Tài sản cố định từ đầu tư xây dựng cơ bản được ghi nhận tạm tăng trên cơ sở giá trị thực tế phát sinh. Khấu hao tài sản tương ứng được trích từ thời điểm tạm tăng và được xác định lại sau khi quyết toán vốn đầu tư, không áp dụng điều chỉnh hồi tố đối với khoản chi phí khấu hao này.

2.12 . Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư tài chính khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất;
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế khác: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính của tổ chức kinh tế khác.

2.13 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh

được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá

cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên

quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.17 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.18 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính

khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.19 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

Theo Thông tư 140/2012/TT - BTC ngày 21 tháng 08 năm 2012, hướng dẫn Nghị định số 60/2012/NĐ-CP ngày 30/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 29/2012/QH13 của Quốc hội về ban hành một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức và cá nhân, Công ty được miễn giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2012, áp dụng cho đối tượng là doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động trong lĩnh vực sản xuất, chế biến nông sản.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	1.359.221.028	5.347.077.482
Tiền gửi ngân hàng	50.117.203.679	7.648.355.309
Tiền đang chuyển	762.600.000	6.900.165.367
Các khoản tương đương tiền (*)	75.468.662.613	106.377.959.167
	<u>127.707.687.320</u>	<u>126.273.557.325</u>

(*): Các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	12.423.600.000	32.175.500.000
Đầu tư ngắn hạn khác	9.455.138.889	5.721.000.046
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	(7.038.000.000)	(21.651.500.000)
	<u>14.840.738.889</u>	<u>16.245.000.046</u>

		31/12/2012			01/01/2012
		Số			Số
		lượng	Giá trị		
				lượng	Giá trị
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn			12423600000		32175500000
Quỹ Đầu tư doanh nghiệp hàng					
- đầu Việt Nam (VFMVF4)	1.224.000		12.423.600.000	2.970.000	30.145.500.000
Quỹ Đầu tư năng động Việt					
- Nam(VFMVFA)	-	-		200.000	2.030.000.000
	-	-		-	-
Cho vay ngắn hạn			9.455.138.889		5.721.000.046
Công ty CP Rượu Việt Nam -					
- Thụy Điển			9.455.138.889		5.721.000.046
Đầu tư ngắn hạn khác					
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn					
hạn (*)			(7.038.000.000)		(21.651.500.000)
Quỹ Đầu tư doanh nghiệp hàng					
- đầu Việt Nam (VFMVF4)			(7.038.000.000)		(20.641.500.000)
Quỹ Đầu tư năng động Việt					
- Nam(VFMVFA)			-		(1.010.000.000)
			<u>14.840.738.889</u>		<u>16.245.000.046</u>

Lí do thay đổi đối với từng khoản đầu tư cổ phiếu:

- Khoản đầu tư vào Quỹ Đầu tư doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam VFMVF4) đã được bán 1.746.000 cổ phiếu với giá gốc là 17.721.900.000 VND.
- Khoản đầu tư vào Quỹ Đầu tư năng động Việt Nam(VFMVFA) đã thanh lý toàn bộ 200.000 cổ phiếu với giá gốc là 2.030.000.000 VND.

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Cho vay ngắn hạn	680.800.000	880.800.000
Phải thu CBCNV tiền vay VietinBank Thanh Hóa	182.081.212	182.081.212
Doanh thu tạm tính cước vận chuyển	-	-
Phải thu về tiền lãi dự thu	1.778.127.377	1.629.408.527
Phải thu tiền thuế TNCN của CBCNV	760.923.939	524.552.716
Phải thu tiền ứng trước để mua đất	1.704.072.100	1.704.072.100
Phải thu tiền ứng trước tiền máy thuê ngoài	119.345.940	423.142.812
Phải thu tiền Bảo hiểm xã hội của CBCNV	1.183.001.876	-
Phải thu khác	6.200.445.554	6.328.438.855
	11.927.997.998	10.791.696.222

6 . DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu khách hàng	(5.642.116.795)	(3.483.587.081)
Trả trước cho người bán	(21.828.503)	(305.784.989)
Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	-	-
Phải thu khác	(25.786.720)	(25.783.120)
	(5.689.732.018)	(3.815.155.190)

7 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	44.400.187.375	62.512.552.103
Nguyên liệu, vật liệu	152.011.917.781	77.996.321.318
Công cụ, dụng cụ	2.442.187.405	1.611.814.727
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	34.994.683.408	35.327.642.424
Thành phẩm	211.818.953.003	16.330.356.812
Hàng hóa	1.639.022.226	5.909.694.215
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.171.541.290)	(16.000.000)
	443.135.409.908	199.672.381.599

8 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí kiểm tu	24.684.370.762	12.456.010.195
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	480.361.696	3.059.556.389
Chi phí bảo trì điện lưới	1.130.714.808	1.933.358.532
Trợ giá ngọn mía giống, phân bón cho nông dân	-	9.320.666.934
Chi phí hội nghị, làm đường giao thông vùng mía	-	2.761.383.371
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chờ phân bổ	665.904.851	382.709.238
Bảo hộ lao động	-	362.154.438
Chi phí hỗ trợ cày sâu, thâm canh mía	19.935.723.486	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	5.009.518.969	4.072.238.107

	51.906.594.572	34.348.077.204
9 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC		
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	18.410.664.082
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.979.828	21.979.828
	21.979.828	18.432.643.910
10 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC		
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	2.301.211	-
Tạm ứng	2.564.684.361	2.867.880.038
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	22.950.858.701	75.757.030.236
	25.517.844.273	78.624.910.274
11 . PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC		
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền đầu tư trồng cao su phải thu các đội	180.230.801	420.988.518
Nông trường Thống Nhất (Dự án nước tưới nhỏ giọt)	977.681.544	1.749.909.808
Nông trường Sông Âm	772.521.113	1.086.424.328
Hợp tác xã mía đường Xuân Châu (XNNL)	-	1.837.096.605
Phải thu Dự án tưới nước Netafin các chủ hợp đồng mía	3.465.179.492	5.708.260.262
	5.395.612.950	10.802.679.521
12 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH		
Xem chi tiết Phụ lục 1.		

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá TSCĐ			
Số dư đầu kỳ	9.325.608.420	6.761.993.311	16.087.601.731
Số tăng trong kỳ	7.044.591.014	2.304.486.407	9.349.077.421
- Mua TSCĐ trong kỳ	7.044.591.014	2.304.486.407	9.349.077.421
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	16.370.199.434	9.066.479.718	25.436.679.152
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	256.027.445	5.502.089.678	5.758.117.123
Số tăng trong kỳ	561.451.937	888.082.551	1.449.534.488
- Khấu hao TSCĐ trong kỳ	561.451.937	888.082.551	1.449.534.488
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	817.479.382	6.390.172.229	7.207.651.611
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	9.069.580.975	1.259.903.633	10.329.484.608
Tại ngày cuối kỳ	15.552.720.052	2.676.307.489	18.229.027.541
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng:			4.980.915.911

14 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	309.867.770.134	626.349.084.016
- Văn phòng Lam Sơn Sao Vàng	-	246.959.453
- Mở rộng nhà máy đường 2	-	566.275.500.551
- Khách sạn Lam Sơn (i)	24.147.185.180	2.648.376.089
- Dự án nghiên cứu khoa học Rotocult	116.564.448	3.294.637.277
- Dự án khu du lịch sinh thái Linh Sơn	-	24.258.040.679
- Dự án khu nhà làm việc, nhà ở và trạm y tế	21.318.436.165	357.085.460
- Dự án Khu văn hóa	-	-
- Dự án sử dụng bã mía làm nguyên liệu phát điện (ii)	238.696.484.960	21.675.742.646
- Dự án Dịch hèm cô đặc	510.654.400	510.654.400
- Dự án khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	3.764.316.842	456.700.000
- Dự án nhà máy gạch Tuynel	6.190.245.721	4.124.371.098
- Văn phòng Phân bón Lam Sơn	1.425.965.661	-
- Dự án đầu tư văn phòng giao dịch tại Bá Thước	3.607.815.808	2.501.016.363
- Dự án Trung tâm công nghệ cao	8.336.545.039	-
- Các công trình khác	1.753.555.910	93.935.273
	309.867.770.134	626.443.019.289

(i). Dự án Khách sạn Lam Sơn được thực hiện theo Quyết định phê duyệt giá gói thầu xây lắp công trình Khách sạn Lam Sơn - Sầm Sơn Thanh Hóa ngày 10/01/2011 của Chủ tịch HĐQT Công ty, với tổng giá trị gói thầu là 63.675.438.000 VND.

(ii). Dự án Sử dụng bã mía của Nhà máy đường số 2 làm nguyên liệu phát điện (Dự án Năng lượng tái tạo công suất 12,5MW) được thực hiện theo Quyết định phê duyệt dự án số 164QĐ/ĐLS-KH ngày 20/04/2011 của Chủ tịch HĐQT Công ty, với tổng dự toán là 260.688.041.000 VND. Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2013.

15 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	20.404.470.756	14.791.062.314
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hóa	4.399.877.775	4.104.675.092
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam- Thụy Điển	147.291.707	10.686.387.222
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn - Như Xuân	15.857.301.274	-
Đầu tư dài hạn khác	49.613.198.183	85.950.222.660
Cho vay dài hạn	8.191.828.930	8.553.472.000
- Công ty Cổ phần Vận tải Lam Sơn	1.544.553.930	1.853.472.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Lam Sơn	6.600.000.000	6.600.000.000
- Khác	47.275.000	100.000.000
Đầu tư dài hạn khác	41.421.369.253	77.396.750.660
- Chứng chỉ Quỹ Đầu tư Chứng khoán con Hồ Việt Nam (Chiếm 6% vốn điều lệ)	-	30.300.000.000
- Cổ phiếu MBLand	900.000.000	-
- Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông (Chiếm 5,79% vốn điều lệ)	23.142.000.000	23.142.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Lam Sơn (Chiếm 16,33% vốn điều lệ)	10.000.000.000	10.000.000.000
- Công ty Cổ phần Vận tải Lam Sơn (Chiếm 10,15% vốn điều lệ)	1.900.000.000	1.900.000.000
- Trường Cao đẳng nghề Lam Kinh (Chiếm 17,44% vốn điều lệ)	5.179.854.253	5.179.854.253
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Lam Sơn - Như Xuân	-	6.000.000.000
- Công ty Cổ phần Bao bì Lam Sơn	299.515.000	299.515.000
- Đầu tư dài hạn khác	-	575.381.407
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(8.408.844.841)	(21.339.592.716)
	61.608.824.098	79.401.692.258

16 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	13.306.644.730	7.412.803.628
Số tăng trong kỳ	11.354.057.473	8.238.755.250
Số đã kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	(4.119.169.241)	(2.344.914.148)
Giảm khác	(12.720.000)	-
Số dư cuối kỳ	20.528.812.962	13.306.644.730
Trong đó chi tiết số dư cuối kỳ bao gồm:	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí thuê đất	14.787.369.358	2.416.108.854
Dự án tưới nước Netafin	2.286.315.517	4.092.809.690
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	141.985.217	196.584.797
Chi phí quy hoạch sử dụng đất	2.158.250.705	2.782.000.091
Chi phí cày đất trồng mía	971.447.920	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	183.444.245	3.819.141.298
	20.528.812.962	13.306.644.730

17 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn	739.144.160.972	261.632.478.901
Vay ngân hàng	739.144.160.972	261.632.478.901
- Ngân hàng ANZ Việt Nam	4.700.000.000	9.700.000.000
- Ngân hàng TMCP Quốc tế VIB - CN Thanh hóa	26.000.000.000	49.890.000.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương - CN Thanh Hóa	554.734.841.144	89.847.877.782
- Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Thanh Hóa	-	31.700.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	37.117.916.715	62.059.517.800
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thanh Hóa	98.550.000.000	-
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Lam Sơn	2.843.000.000	3.722.000.000
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	15.198.403.113	14.713.083.319
Vay đối tượng khác	-	600.000.000
- Quỹ khuyến học mía đường Lam Sơn	-	600.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	2.000.000.000	28.025.000.000
	741.144.160.972	290.257.478.901

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:
Xem chi tiết Phụ lục 2.

18 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	5.404.235.600	16.736.444.377
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.547.262.554	16.508.991.298
Thuế thu nhập cá nhân	368.210.193	2.245.090.713
Thuế tài nguyên	57.709.615	335.364.067
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-
Các loại thuế khác	600.771.725	11.990.181.464
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	481.618.811	406.301.477
	18.459.808.498	48.222.373.396

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

19 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Cước vận chuyển phải trả	311.471.116	131.814.842
Chi phí điện, hơi, nước phải trả	-	87.979.490
Chi phí lãi vay phải trả	8.565.808.634	2.963.439.404
Chi phí sửa chữa tài sản	23.401.940	227.747.151
Chi phí phải trả khác	118.489.637	48.946.909
	9.019.171.327	3.459.927.796

20 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	-	42.158.054
Kinh phí công đoàn	1.990.868.365	1.327.180.986
Bảo hiểm xã hội	2.872.418.226	400.149.475
Bảo hiểm y tế	1.932.037	53.692.869
Bảo hiểm thất nghiệp	823.410	23.537.134
Các khoản phải trả, phải nộp khác	82.269.707.473	34.410.156.024
- Cổ tức phải trả	51.295.927.783	1.380.332.750
- Phải trả tiền lãi vay	-	24.362.277
- Phải trả cho người lao động về nghỉ dưỡng sức	-	61.487.500
- Quỹ của Công nhân viên góp từ lương	14.833.319.073	14.830.669.073
- Phải trả công nhân viên về tiền ốm đau thai sản	-	404.524.492
- Tiền thưởng do vượt kế hoạch lợi nhuận	8.359.944.049	11.650.352.899
- Bảo lãnh thực hiện hợp đồng lao động	860.000.000	830.000.000
- Phải trả tiền đền bù	1.018.002.221	492.765.521
- Phải trả tiền mủ cao su	534.108.320	859.075.820
- Phải trả tiền thuê khoán đối với các máy cơ giới thuê ngoài	659.893.534	2.396.272.887
- Phải trả tiền cấp cho dự án Rotocult	-	234.901.000
- Quỹ làm đường	608.044.190	-
- Quỹ đền bù đất để làm đường	2.119.026.185	-
- Các khoản phải trả khác	1.981.442.118	1.245.411.805
	87.135.749.511	36.256.874.542

21 . PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay không tính lãi	2.851.493.619	2.922.429.699
Vay không tính lãi	438.000.000	504.936.080
Phải trả kho bạc nhà nước dự án 327	1.409.925.000	1.409.925.000
Phải trả tiền đặt cọc	339.000.000	309.000.000
Quỹ dự phòng thiên tai	661.568.619	695.568.619
Phải trả khác	3.000.000	3.000.000
	2.851.493.619	2.922.429.699

22 . VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay dài hạn	300.236.771.000	164.584.340.000
Vay ngân hàng	100.236.771.000	162.584.340.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thanh Hóa	-	123.600.000.000
- Ngân hàng Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	98.436.771.000	38.409.340.000
- Ngân hàng Đầu tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	1.800.000.000	-
- Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Thanh Hóa	-	575.000.000
Vay đối tượng khác	-	2.000.000.000
- Công đoàn - Công ty CP Mía đường Lam Sơn	-	2.000.000.000
Trái phiếu phát hành	200.000.000.000	-
	300.236.771.000	164.584.340.000

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- Khoản vay Ngân hàng Quân đội theo Hợp đồng tín dụng số 265.11.840.538369.TD.DN ngày 18/04/11: Hạn mức tín dụng 150.000.000.000 đồng; Mục đích vay thanh toán tiền mua máy móc thiết bị phần "chuẩn bị mía và máy khuếch tán" theo hợp đồng số 18HDM/ĐLS-KD ký với Công ty Chế tạo Công nghiệp Quốc gia (NHEC); Thời hạn giải ngân đến 31/12/2011; Lãi suất điều chỉnh hàng quý; Số dư nợ gốc tại 30/06/2012 là 141.200.000.000 đồng, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 17.600.000.000 đồng; Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- Khoản vay Ngân hàng Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa theo Hợp đồng số 01/2011/HĐODA-NHPTVN ngày 15/10/2011: Hạn mức tín dụng là 165 tỷ đồng; Mục đích vay để tài trợ cho việc đầu tư tài sản cố định của dự án Nhà máy điện năng lượng tái tạo sử dụng bã mía nhà máy đường Lam Sơn 2 mở rộng theo quyết định phê duyệt dự án số 164/QĐ-ĐLS; Thời hạn vay vốn là 10 năm; Lãi suất 11,4%/năm (lãi suất có thể thay đổi theo thông báo của ngân hàng); Số dư nợ gốc đến 31/12/2012 là 98.436.771.000 VND. Tài sản đảm bảo bao gồm:
 1. Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có tham gia đầu tư dự án có giá trị 242.830 triệu đồng;
 2. Toàn bộ dây chuyền thiết bị của Nhà máy Cồn thực phẩm xuất khẩu 25 triệu lít/năm, giá trị 80.335 triệu đồng.
- Khoản vay ngân hàng Đầu tư và Phát triển Thanh Hóa theo hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐ ngày 03/07/2012, gốc vay 2.000.000.000 VND, lãi suất 15%/năm, thời hạn vay là 5 năm; Số dư nợ gốc đến thời điểm 31/12/2012 là: 1.800.000.000 VND; Tài sản thế chấp là toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi, các khoản phải thu theo các Hợp đồng kinh tế mà Bên vay là người thụ hưởng và tài sản của Công ty theo các Hợp đồng bảo đảm tiền vay đã ký với tổng trị giá 14,785 tỷ VND.

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản trái phiếu phát hành:

- Công ty phát hành trái phiếu chuyển đổi ra công chúng tại ngày 10/10/2012 với số lượng 2.000.000 trái phiếu, mệnh giá trái phiếu là 100.000 VND/trái phiếu, giá phát hành là 100.000 VND/trái phiếu, lãi suất cố định 12%/năm. Toàn bộ trái phiếu bắt buộc chuyển đổi thành cổ phiếu tại ngày 10/10/2014 theo tỷ lệ 01 trái phiếu chuyển đổi thành 10 cổ phiếu mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

23 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

- a) Bảng đối chiếu biến động Vốn chủ sở hữu
- Xem chi tiết Phụ lục 3.

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 257/NQ/2012/ĐLS-ĐHCD ngày 26 tháng 04 năm 2011, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2011 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế năm 2011		409.005.366.262
Thuế TNDN được giảm bổ sung Quỹ Đầu tư phát triển		32.902.410.512
Trích Quỹ Dự phòng tài chính	5%	18.805.147.788
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	10%	37.610.295.575
Trích Quỹ Khen thưởng	5%	18.805.147.789
Trích Quỹ Phúc lợi	5%	18.805.147.788
Chi trả cổ tức bằng tiền mặt 25% vốn cổ phần		125.000.000.000
Thưởng vượt kế hoạch lợi nhuận năm 2011		7.720.591.150
Lợi nhuận còn lại bổ sung Quỹ Đầu tư phát triển		149.356.625.660

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2012 VND	Tỷ lệ %	01/01/2012 VND	Tỷ lệ %
Vốn góp của Nhà nước (Tổng Công ty Mía đường I)	-	-	45.531.120.000	9,11
Vốn góp của các đối tượng khác	500.000.000.000	100,00	454.468.880.000	90,89
- Do pháp nhân nắm giữ	454.468.880.000	90,89	-	
	500.000.000.000	100,00	500.000.000.000	100,00

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	500.000.000.000	500.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	500.000.000.000	500.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	125.000.000.000	140.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2012	01/01/2012
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.000.000	50.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	50.000.000	50.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	50.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.000.000	50.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	50.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND / cổ phiếu		

e) Các quỹ của Công ty

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	480.452.896.399	251.355.702.138
Quỹ dự phòng tài chính	61.310.648.245	42.263.182.070
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	133.182.845	122.354.932

24 . NGUỒN KINH PHÍ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Nguồn kinh phí còn lại đầu kỳ	156.491.021	421.576.114
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	448.338.886	140.811.444
Chi sự nghiệp (*)	(117.776.114)	(405.896.537)
Nguồn kinh phí còn lại cuối kỳ	487.053.793	156.491.021

Nguồn kinh phí được cấp từ Ngân sách nhà nước để hỗ trợ cho các Dự án Sản xuất phụ gia từ dịch hèm, Dự án hỗ trợ trồng rau quả có nguồn gốc ôn đới và Dự án nâng cao chất lượng một số giống cây trồng vật nuôi.

25 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	1.857.656.757.247	1.989.810.779.248
Doanh thu cung cấp dịch vụ	32.625.508.980	31.330.585.827
Doanh thu khác	-	4.540.655.584
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.890.282.266.227	2.025.682.020.659

26 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	1.400.241.585	192.168.725
Giảm giá hàng bán	7.020.440	1.912.000
Các khoản giảm trừ doanh thu	1.407.262.025	194.080.725

27 . DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng	1.856.249.495.222	1.989.616.698.523
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	32.625.508.980	31.330.585.827
Doanh thu khác	-	4.540.655.584
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.888.875.004.202	2.025.487.939.934

28 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Giá vốn của hàng bán	1.688.571.131.845	.390.547.494.618
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	20.223.856.666	22.600.862.905
Giá vốn khác	-	4.519.632.654
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	4.021.473.260	-
	1.712.816.461.771	1.417.667.990.177

29 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.710.594.909	15.261.023.501
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	-	7.125.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	59.903.000	1.705.270.900
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	892.116.492	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	1.576.864	14.876.178.007
Lãi bán hàng trả chậm	1.190.184.560	1.053.395.645
Doanh thu hoạt động tài chính khác	993.183.458	9.690.957.921
	7.847.559.283	42.593.950.974

30 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền vay	96.737.935.814	28.917.830.423
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	350.352.530	1.217.571.445
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	26.523.826	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư và lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(2.693.046.562)	18.519.535.189
Chi phí tài chính khác	230.000.000	79.335.481
	94.651.765.608	48.734.272.538

31 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	670.489.176	57.468.338
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	1.745.991.375
Chi phí nhân công	6.262.360.513	9.696.423.130
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.260.459.155	1.497.505.729
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.688.242.103	11.185.938.327
Chi phí khác bằng tiền	3.339.214.076	3.274.566.754
	23.220.765.023	27.457.893.653

32 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.591.078.800	625.269.933
Chi phí đồ dùng văn phòng	99.484.739	1.954.956.957
Chi phí nhân công	24.703.587.487	24.843.812.697
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.419.910.918	5.328.249.639
Thuế, phí, lệ phí	1.538.393.178	951.347.897
Chi phí dự phòng	2.622.336.828	3.586.442.024
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.192.399.150	5.347.901.870
Trích/(Hoàn nhập) Quỹ phát triển khoa học công nghệ	(46.020.507.893)	53.969.209.614
Chi phí khác bằng tiền	12.792.416.051	15.252.267.980
Phân bổ lợi thế thương mại	2.125.285.383	1.049.740.250
	12.064.384.641	112.909.198.861

33 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	80.720.000	56.860.478.183
Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	1.398.898.236	-
Thu nhập khác	1.074.826.646	1.902.741.888
	2.554.444.882	58.763.220.071

34 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Phạt và truy thu thuế	1.499.819.040	213.389.302
Phạt do vi phạm hợp đồng	87.559.433	-
Chi cho thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	53.537.037	1.868.326.966
Chi phí thanh lý vật tư, phế liệu	-	131.815.317
Chi phí khác	648.369.491	1.749.307.144
	2.289.285.001	3.962.838.729

35 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

35.1 Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Thuế TNDN (thuế suất phổ thông 25%)	14.814.563.267	123.827.874.851
- Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn	13.407.759.465	120.701.258.005
- Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	951.625.887	1.015.004.684
- Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng	118.252.822	689.298.413
- Công ty Cổ phần Cơ giới Nông nghiệp Lam Sơn	-	98.556.374
- Công ty TNHH Thương mại Đầu tư và Du lịch Lam Sơn	-	605.542.000
- Công ty Cổ phần Giấy Lam Sơn	336.925.093	718.215.375
Thuế TNDN được miễn giảm		(33.150.874.442)
- Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn	(3.862.540.487)	(32.902.410.512)
- Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	(285.487.766)	-
- Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng	(35.475.847)	(171.341.911)
- Công ty Cổ phần Cơ giới Nông nghiệp Lam Sơn	-	(77.122.019)
- Công ty Cổ phần Giấy Lam Sơn	(101.077.528)	-
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	(348.996.214)	372.385.021
- Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng	-	262.957.046
- Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng	8.316.143	-
- Công ty Cổ phần Giấy Lam Sơn	(357.312.357)	109.427.975
Chi phí thuế TNDN hiện hành	10.180.985.425	91.049.385.430
Điều chỉnh bổ sung thuế TNDN theo biên bản thanh tra thuế	1.343.954.358	688.242.276
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	16.508.991.298	43.233.354.048
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(13.147.668.527)	(118.461.990.456)
Thuế TNDN đã bù trừ với thuế GTGT được hoàn trong năm	(3.339.000.000)	-
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	11.547.262.554	16.508.991.298

35.2 Thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Số dư đầu kỳ	79.958.785	1.400.822.917
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	254.691.656	79.958.785
Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước	(79.958.785)	(1.400.822.917)
Số dư cuối kỳ	254.691.656	79.958.785
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Số dư đầu kỳ	3.710.162.592	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả của khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	-	3.710.162.592
Hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	(3.700.876.226)	-
Số dư cuối kỳ	9.286.366	3.710.162.592

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào báo cáo kinh doanh

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả của khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	-	3.710.162.592
Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	79.958.785	1.400.822.917
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ (*)	(254.691.656)	(79.958.785)
Lỗi tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng (*)	-	-
Hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả (*)	(3.700.876.226)	-
	(3.875.609.097)	5.031.026.724

36 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	35.944.464.686	411.131.417.824
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	35.944.464.686	411.131.417.824
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	50.000.000	44.904.110
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	719	9.156

37 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí mua hàng hóa thương mại	92.785.350.270	163.360.540.312
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.462.904.158.175	1.199.489.553.468
Chi phí nhân công	74.546.664.255	56.954.685.394
Chi phí khấu hao TSCĐ	81.882.302.632	21.490.692.162
Chi phí kinh doanh điện	5.796.108.109	4.919.778.764
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác bằng tiền	66.343.411.557	52.684.960.481
Thuế, phí và lệ phí	1.095.028.858	767.263.957
Chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho	4.021.473.260	-
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	2.622.336.828	3.338.658.289
Trích/(Hoàn nhập) quỹ phát triển khoa học công nghệ	(46.020.507.893)	53.979.209.614
Phân bổ lợi thế thương mại	2.125.285.383	1.049.740.250
	1.748.101.611.435	1.558.035.082.691

	31/12/2012		01/01/2012	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	127.707.687.320	-	126.273.557.325	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	124.115.024.897	(5.667.903.515)	147.767.503.378	(3.509.370.201)
Các khoản cho vay	17.646.967.819	-	14.274.472.046	-
Đầu tư ngắn hạn	12.423.600.000	(7.038.000.000)	32.175.500.000	(21.651.500.000)
Đầu tư dài hạn	41.421.369.253	(8.408.844.841)	77.396.750.660	(21.339.592.716)
	323.314.649.289	(21.114.748.356)	397.887.783.409	(46.500.462.917)

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ kế toán	
	31/12/2012	01/01/2012
Vay và nợ	1.041.380.931.972	454.841.818.901
Phải trả người bán, phải trả khác	205.584.336.840	88.977.923.926
Chi phí phải trả	9.019.171.327	3.459.927.796
	1.255.984.440.139	547.279.670.623

Công ty chưa có đủ cơ sở để thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, lãi suất

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2012				
Tiền và tương đương tiền	127.707.687.320	-	-	127.707.687.320
Phải thu khách hàng, phải thu khác	113.051.508.432	5.395.612.950	-	118.447.121.382
Các khoản cho vay	9.455.138.889	8.191.828.930	-	17.646.967.819
Đầu tư ngắn hạn	5.385.600.000	-	-	5.385.600.000
Đầu tư dài hạn	-	33.012.524.412	-	33.012.524.412
Tổng	255.599.934.641	46.599.966.292	-	302.199.900.933

Tại ngày 01/01/2012				
Tiền và tương đương tiền	126.273.557.325	-	-	126.273.557.325
Phải thu khách hàng, phải thu khác	133.455.453.656	10.802.679.521	-	144.258.133.177
Các khoản cho vay	5.721.000.046	8.553.472.000	-	14.274.472.046
Đầu tư ngắn hạn	10.524.000.000	-	-	10.524.000.000
Đầu tư dài hạn	-	56.057.157.944	-	56.057.157.944
Tổng	275.974.011.027	75.413.309.465	-	351.387.320.492

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2012				
Vay và nợ	741.144.160.972	284.300.000.000	15.936.771.000	1.041.380.931.972
Phải trả người bán, phải trả khác	202.732.843.221	2.851.493.619	-	205.584.336.840
Chi phí phải trả	9.019.171.327	-	-	9.019.171.327
Cộng	952.896.175.520	287.151.493.619	15.936.771.000	1.255.984.440.139
Tại ngày 31/12/2011				
Vay và nợ	290.257.478.901	164.584.340.000	-	454.841.818.901
Phải trả người bán, phải trả khác	86.055.494.227	2.922.429.699	-	88.977.923.926
Chi phí phải trả	3.459.927.796	-	-	3.459.927.796
Cộng	379.772.900.924	167.506.769.699	-	547.279.670.623

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

39 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

40 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất đường. Doanh thu bán đường chiếm 81,96% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong kỳ, do đó Công ty không lập Báo cáo bộ phận.

NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN

41 . LIÊN QUAN

Trong kỳ Công ty đã giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu bán hàng			
Công ty CP Đầu tư Phát triển Lam Sơn Như Xuân	Công ty liên kết	7.420.272.135	-
Mua nguyên hàng hóa, dịch vụ			
Công ty CP Đầu tư Phát triển Lam Sơn Như Xuân	Công ty liên kết	27.370.272.819	-
Lãi vay phải thu			
Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	1.539.947.686	176.041.667

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Mối quan hệ	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ			
Công ty CP Đầu tư Phát triển Lam Sơn Như Xuân	Công ty liên kết	36.563.043.332	395.070.000
Phải thu gốc và lãi cho vay			
Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	9.455.138.889	5.721.000.046

42 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

  Lê Thị Huệ Kế toán trưởng Thanh Hóa, ngày 25 tháng 03 năm 2013	 Lê Văn Thanh Tổng Giám đốc
---	---

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn
Thị trấn Lam Sơn - Thọ Xuân - Thanh Hóa

Phụ lục 1 : TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	275.398.414.960	717.094.219.219	79.937.247.342	25.704.844.863	28.132.019	1.098.162.858.403
Số tăng trong kỳ	94.294.424.930	859.052.287.466	6.879.623.273	1.222.304.477	-	961.448.640.146
- Mua trong kỳ	43.444.966.003	760.106.583.785	6.879.623.273	1.069.088.116	-	811.500.261.177
- Đầu tư XD CB hoàn thành	50.068.899.379	98.945.703.681	-	-	-	149.014.603.060
- Phân loại lại	-	-	-	140.166.361	-	140.166.361
- Tăng khác	780.559.548	-	-	13.050.000	-	793.609.548
Số giảm trong kỳ	-	(76.724.600)	(1.477.778.766)	-	-	(1.554.503.366)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(59.000.000)	-	-	-	(59.000.000)
- Phân loại lại	-	-	(140.166.361)	-	-	(140.166.361)
- Giảm khác	-	(17.724.600)	(1.337.612.405)	-	-	(1.355.337.005)
Số dư cuối kỳ	369.692.839.890	1.576.069.782.085	85.339.091.849	26.927.149.340	28.132.019	2.058.056.995.183
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	172.440.389.599	614.291.711.582	52.096.936.884	20.785.589.493	15.003.743	859.629.631.301
Số tăng trong kỳ	15.328.965.409	72.178.133.002	6.748.109.485	1.445.147.250	1.875.468	95.702.230.614
- Khấu hao trong kỳ	12.907.032.451	72.178.133.002	6.748.109.485	1.445.147.250	1.875.468	93.280.297.656
- Khấu hao TSCĐ phục lợi	2.228.939.155	-	-	-	-	2.228.939.155
- Khấu hao TSCĐ hình thành từ nguồn	192.993.803	-	-	-	-	192.993.803
kinh phí	-	-	-	-	-	(799.031.150)
Số giảm trong kỳ	-	(7.186.188)	(791.844.962)	-	-	(5.462.963)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(5.462.963)	-	-	-	(793.568.187)
- Giảm khác	-	(1.723.225)	(791.844.962)	-	-	-
Số cuối kỳ	187.769.355.008	686.462.658.396	58.053.201.407	22.230.736.743	16.879.211	954.532.830.765
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	102.958.025.361	102.802.507.637	27.840.310.458	4.919.255.370	13.128.276	238.533.227.102
Tại ngày cuối kỳ	181.923.484.882	889.607.123.689	27.285.890.442	4.696.412.597	11.252.808	1.103.524.164.418

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn**
Thị trấn Lam Sơn - Thọ Xuân - Thanh Hóa

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết còn sử dụng:
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ chờ thanh lý:

252.367.369.469
668.480.527.142
7.813.558.542

Trong năm 2012, Dự án Nâng cấp nhà máy đường 2 đã được đưa vào sử dụng và được ghi nhận tạm tăng với tổng giá trị là 764.471.983.384 VND. Do đó, số liệu liên quan đến nguyên giá tài sản của Dự án có thể thay đổi sau khi được kiểm tra, kiểm toán về quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành.

Phụ lục 2: BẢNG THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- Khoản vay Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam) theo đơn yêu cầu vay tài trợ thương mại ngày 19/11/2012 số tiền 4.700.000.000 VND, thời hạn vay 2 tháng, lãi suất vay 8,5%/năm, khoản vay được sử dụng để trả tiền mía cho các hộ nông dân. Số dư nợ gốc vay tại 31/12/2012 là 4.700.000.000 VND, khoản vay được đảm bảo bằng hình thức tín chấp.
- Khoản vay Ngân hàng VIB theo Hợp đồng số 407DN117/HĐTD/VIB.2011 ngày 02/12/2011, hạn mức tín dụng là 50 tỷ; Mục đích của khoản vay nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh đường các loại. Lãi suất thả nổi và áp dụng theo từng thời điểm giải ngân, bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh kỳ hạn tương ứng với kỳ điều chỉnh lãi suất của VIB cộng với lãi biên linh hoạt nhưng đảm bảo tiến độ sinh lời tối thiểu 2,2%/năm. Phương thức đảm bảo khoản vay là tín chấp. Số dư gốc vay tại 31/12/2012 là 26.000.000.000 VND.
- Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa theo Hợp đồng tín dụng số 12560005/HĐTD ngày 27/06/2012 và Văn bản sửa đổi, bổ sung với hạn mức tín dụng 500 tỷ đồng. Mục đích vay: sản xuất kinh doanh đường, cồn và các sản phẩm sau đường. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay và thời gian giải ngân là 12 tháng, kể từ ngày 27/06/2012 đến 15/05/2013. Thời hạn cho vay được ghi nhận theo từng giấy nhận nợ nhưng không quá 09 tháng. Lãi suất tiền vay bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VND kỳ 9 tháng, trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa + biên độ (4,6%/năm). Phương thức đảm bảo khoản vay: tín chấp. Số dư gốc vay tại 31/12/2012 là 446.626.764.618 VND.
- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 12560013/HĐTD ngày 17/12/2012 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa với tổng hạn mức 130 tỷ. Thời hạn cho vay từ 17/12/12 đến 17/12/13. Lãi suất cho vay bằng lãi suất cơ bản cộng biên độ lãi suất 0,4%/năm. Thời hạn trả nợ gốc theo từng giấy nhận nợ, thời hạn trả nợ lãi vào ngày 04 hàng tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản thế chấp là tài sản của công ty gồm dây chuyền máy móc thiết bị, máy đào, máy xúc lật, xe ô tô con, toàn bộ nhà xưởng, nhà kho, nhà văn phòng của công ty trên đất thuê tại Thôn Đá Dựng – Xã Xuân Phú – Huyện Thọ Xuân – Tỉnh Thanh Hóa, văn bản bảo lãnh của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn, nhà đất của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn. Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2012 là 105.043.832.600 VND.
- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 12390080/HĐTD ngày 05/11/2012 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sầm Sơn, hạn mức tín dụng là 12 tỷ VND; khoản vay được sử dụng cho mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ kỳ kinh doanh 2012-2013; Thời hạn của khoản vay là 12 tháng kể từ ngày 05/11/2012 đến 05/11/2013; lãi suất cho vay là 12,5%/năm; số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2012 là 3.064.243.926 VND; Khoản vay được bảo đảm bằng 20 xe ô tô tải của Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng theo hợp đồng thế chấp tài sản số 12390080/HĐBD ngày 05/11/2012.
- Hợp đồng tín dụng hạn mức số LD1214300119 ngày 23/05/12 với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Thanh Hóa với tổng hạn mức là 80 tỷ. Thời hạn cho vay đến 23/05/2013. Lãi suất cho vay theo từng thời điểm giải ngân và được ghi cụ thể trong từng Giấy nhận nợ. Thời hạn trả nợ gốc theo từng giấy nhận nợ, thời hạn trả nợ lãi ngày 12 hàng tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng toàn bộ quyền đòi nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt, bồi thường thiệt hại phát sinh từ các hợp đồng kinh tế, các tài sản gắn liền với quyền đòi nợ khác đối với: (i): Hợp đồng sản xuất phân bón đầu tư mía vụ ép 2011 - 2012 số 02 HĐ/PBLS-TT ngày 01/11/2010 với số tiền: 151.620 triệu; (ii): Hợp đồng sản xuất phân bón đầu tư mía vụ 2012 - 2013 số 02 HĐ/PBLS-TT ngày 20/10/2011 với số tiền 227.925 triệu. Số dư nợ gốc vay tại thời điểm 31/12/2012 là 37.117.916.715 VND.
- Khoản vay Ngân hàng Quân đội theo các khế ước thuộc hợp đồng tín dụng số 521.11.840.538369.TD.DN ngày 23/12/2011 với hạn mức tín dụng 100 tỷ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ thanh toán tiền mua mía nguyên liệu của các nông trường, các hộ nông dân và các mục đích khác nếu được ngân hàng chấp thuận bằng văn bản trước thời điểm giải ngân. Thời hạn giải ngân đến hết 31/12/2012. Ngày đáo hạn cuối cùng của một khoản tín dụng thuộc hạn mức này là ngày sau tối đa 06 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên của khoản tín dụng đó. Lãi suất áp dụng theo từng thời điểm giải ngân; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất đang áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn và cố định trong suốt thời gian quá hạn. Số dư gốc vay tại 31/12/2012 là 98.550.000.000 VND.
- Tài sản đảm bảo khoản vay là Dây chuyền máy móc thiết bị "Chuẩn bị mía và máy khuếch tán" với tổng giá trị: 250.200.000.000 VND và 01 bộ máy ép 6 trục với mô tơ, hộp số vệ tinh, dẫn động ACVFD, khớp nối cặp và 01 cầu 40 tấn đi 3 hướng, dàn cầu trục 52m với tổng giá trị 63 tỷ đồng.

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 3513LAV20120058 ngày 20/01/2012 với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Lam Sơn; hạn mức tín dụng là 7 tỷ; khoản vay được sử dụng cho mục đích trồng mía, sản xuất gạch, kinh doanh hỗn hợp khác; Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày Công ty nhận tiền vay lần đầu; Lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng là 17%/năm; Số dư nợ gốc tại ngày 31/12/2012 là 2.843.000.000 VND; Hình thức đảm bảo của khoản vay là tín chấp;
- Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Thanh Hóa theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2012/HĐ ngày 28/05/2012 và phụ lục sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng ngày 14/09/2012 với hạn mức tín dụng là 25 tỷ VND, thời hạn rút vốn kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng hạn mức đến 30/04/2013. Tổng dư nợ gốc vay tại 31/12/2012 là 15.198.403.113 VND. Mục đích sử dụng vốn vay là bổ sung nguồn vốn lưu động. Tài sản thế chấp là toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi, các khoản phải thu theo các Hợp đồng kinh tế mà Bên vay là người thụ hưởng và tài sản của Công ty theo các Hợp đồng bảo đảm tiền vay đã ký với tổng trị giá 14,785 tỷ VND.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản nợ dài hạn đến hạn trả:

- Khoản vay Công đoàn - Công ty CP Mía đường Lam Sơn theo Hợp đồng tiền gửi số 02 HĐ/CĐ - Lasuco ngày 01/12/2011: Số tiền gửi là 2.000.000.000 VND; Thời hạn gửi là 2 năm; Lãi suất 15%/ năm; Số dư nợ gốc tại 31/12/2012 là 2.000.000.000 VND.

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn
Thị trấn Lam Sơn - Thọ Xuân - Thanh Hóa

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Phụ lục 3 : BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của CSH		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác của CSH		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Quỹ khác thuộc vốn CSH		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Cộng	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Số dư đầu kỳ trước	400.000.000.000		280.426.411.784		-		127.828.935.642		27.209.004.541		291.530.458		335.204.824.291		1.170.855.106.716	
Tăng vốn trong kỳ trước	100.000.000.000		(100.000.000.000)		-		-		-		-		-		-	
Lãi/(lỗ) trong kỳ trước	-		-		-		-		-		-		411.131.417.824		411.131.417.824	
Tăng do chuyển khoản dài	-		-		420.784.452		6.315.517		33.703.798		-		-		460.803.767	
Tăng khác	-		-		-		-		33.568.575		-		300.000.000		439.168.575	
Phân phối lợi nhuận	-		-		-		124.221.969.763		14.986.905.156		-		(332.625.760.818)		(193.416.885.899)	
Giảm khác	-		(150.000.000)		(134.157.311)		(701.518.784)		-		(169.175.526)		(2.556.686.843)		(3.711.538.464)	
Số dư cuối kỳ trước	500.000.000.000		180.276.411.784		286.627.141		251.355.702.138		42.263.182.070		122.354.932		411.453.794.454		1.385.758.072.519	
Tăng vốn trong kỳ này	-		-		-		-		-		-		-		-	
Lãi/(lỗ) trong kỳ này	-		-		-		-		-		-		35.944.464.686		35.944.464.686	
Tăng khác	-		-		-		5.350.768.325		-		10.827.913		-		5.361.596.238	
Giảm vốn trong kỳ này	-		-		-		-		-		-		-		-	
Phân phối lợi nhuận	-		-		-		223.746.425.936		19.047.466.175		-		(414.087.272.374)		(171.293.380.263)	
Giảm khác	-		-		-		-		-		-		(118.778.912)		(118.778.912)	
Số dư cuối kỳ này	500.000.000.000		180.276.411.784		286.627.141		480.452.896.399		61.310.648.245		133.182.845		33.192.207.854		1.255.651.974.268	



CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Thị trấn Lam Sơn – Thọ Xuân – Thanh Hóa

Điện thoại: (+84) 037 834 091

Fax: (+84) 037 834 092

Email: info@lasuco.com.vn

Website: www.lasuco.com.vn ; www.lasuco.vn